



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

TỔNG LUẬN

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ KINH TẾ

ISSN 0866 - 7712

Số 3 - 2025

DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ NĂM 2025



Hà Nội, 3-2025

CỤC THÔNG TIN VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Địa chỉ: 24, Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tel: (024) 38262718, Fax: (024) 39349127

BAN BIÊN TẬP

TS. Trần Đức Hiến (Trưởng ban)

ThS. Nguyễn Lê Hằng; ThS. Phùng Anh Tiến; ThS. Nguyễn Phương Anh

MỤC LỤC

DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ NĂM 2025

LỜI GIỚI THIỆU	1
I. NHÌN LẠI TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2024	3
1.1. Nhìn lại tình hình thế giới năm 2024.....	3
1.2. Phân tích các vấn đề chính liên quan đến kinh tế thế giới năm 2024	9
II. DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2025.....	15
2.1. Khái quát các dự báo kinh tế thế giới năm 2025	15
2.2. Dự báo về tình kinh tế ở một số quốc gia và khu vực.....	21
2.3. Dự báo của các tổ chức quốc tế về kinh tế Việt Nam	28
2.4. Những rủi ro đối với tăng trưởng kinh tế thế giới	31
2.5. Các hành động chính sách cần thiết	38
III. DỰ BÁO XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ NĂM 2025	42
3.1. Các xu hướng liên quan đến AI.....	42
3.2. Điện toán lượng tử.....	45
3.3. An ninh thông tin sai lệch.....	46
3.4. Internet vệ tinh.....	46
3.5. Xe tự hành	47
3.6. Mạng lưới an ninh mạng	48
3.7. Blockchain và tiền mã hóa	48
3.8. Internet vạn vật trong thành phố thông minh	49
3.9. Cobot - Robot kết hợp con người.....	49
3.10. Công nghệ xanh.....	50
KẾT LUẬN	50
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH	52

TỪ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển châu Á
AI	Trí tuệ nhân tạo
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
COP	Hội nghị Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu
EAP	Đông Á và Thái Bình Dương
ECA	Châu Âu và Trung Á
EMDE	Các thị trường mới nổi và nền kinh tế đang phát triển
GDP	Tổng sản phẩm trong nước
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
IoT	Internet vạn vật
LAC	Châu Mỹ Latinh và Caribe
MNA	Trung Đông và Bắc Phi
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
PMI	Chỉ số quản lý sức mua
SSA	Châu Phi cận Sahara
UN	Liên hợp quốc
WB	Ngân hàng Thế giới
WEF	Diễn đàn kinh tế thế giới

LỜI GIỚI THIỆU

Năm 2024 là một năm có nhiều biến động toàn cầu, với những sự kiện quan trọng định hình lại cục diện thế giới. Cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ và hơn 70 quốc gia tổ chức bầu cử, cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine tiếp tục kéo dài, sự leo thang xung đột ở Trung Đông, sự trỗi dậy của đa cực hóa toàn cầu... đã định hình lại bối cảnh chính trị toàn cầu và tác động đến quan hệ quốc tế. Công nghệ và an ninh mạng cũng có diễn biến mới, với những thách thức mới như thông tin sai lệch và sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI). Biến đổi khí hậu và nỗ lực quốc tế như Hội nghị Liên hợp quốc về Biến đổi khí hậu 2024 (COP29) với việc các quốc gia phát triển cam kết chi ít nhất 300 tỷ USD/năm, từ nay đến năm 2035, thúc đẩy đầu tư vào quá trình chuyển đổi sạch, giảm phát thải và xây dựng khả năng thích ứng trước biến đổi khí hậu.

Các tổ chức quốc tế, như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đã đưa ra các báo cáo nhận định, đánh giá về tình hình kinh tế thế giới năm 2024 và dự báo cho năm 2025. Theo các tổ chức này, ước tính tỷ lệ tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 tương đối ổn định, đạt từ 2,7% đến 3,2%. Giá hàng hóa hạ nhiệt, các ngân hàng trung ương nới lỏng chính sách tiền tệ với cuộc chiến chống lạm phát hiệu quả.

Nền kinh tế toàn cầu trong năm 2025 và 2026 được dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều rủi ro và thách thức lớn, như căng thẳng địa chính trị, chính sách bảo hộ thương mại của Hoa Kỳ, áp lực lạm phát, suy giảm tăng trưởng ở các nền kinh tế lớn, thiên tai và hiện tượng thời tiết cực đoan có thể gây thiệt hại kinh tế và ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng. Các tổ chức quốc tế như WB¹ và UN² dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2025 chỉ đạt 2,7%, bằng tỷ lệ năm 2024, trong khi OECD³ và IMF⁴ lạc quan hơn khi dự báo tỷ lệ này tăng nhẹ từ 3,2% năm 2024 lên 3,3% năm 2025. Tuy nhiên, các tỷ lệ này đều thấp hơn so với mức trung bình 3,7% của giai đoạn 2000-2019. Các tổ chức quốc tế này đều chỉ ra rằng nền kinh tế toàn cầu đang rơi vào giai đoạn tăng trưởng thấp, chưa đủ mạnh để bảo đảm sự phát triển bền vững. Điều này tạo ra một bức tranh phân hóa, khi các khu vực và quốc gia khác nhau phải đối mặt với những cơ hội và thách thức riêng.

Dù tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu thấp, tiến bộ công nghệ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 vẫn diễn ra rất mạnh mẽ, mà nổi bật trong năm 2024

¹ *Global Economic Prospects, 1/2025*

² *World Economic Situation and Prospects, 1/2025*

³ *OECD Economic Outlook, 12/2024*

⁴ *World Economic Outlook, 1/2025*

cũng như dự báo cho năm 2025 là sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI), từ AI tạo sinh (Generative AI) đến AI tác nhân (Agentic AI). Liên kết giữa tiến bộ công nghệ và phát triển kinh tế - xã hội là một quá trình tương quan mạnh mẽ, tạo ra những ảnh hưởng sâu rộng đối với nền kinh tế toàn cầu. Các công ty tư vấn, tạp chí công nghệ, tổ chức quốc tế, như Forbes, Gartner, Deloitte và GlobalData, đã dự báo các xu hướng công nghệ hàng đầu năm 2025 là Agentic AI, điện toán lượng tử, an ninh thông tin, Internet vệ tinh, xe tự hành, robot kết hợp con người và công nghệ xanh sẽ định hình bức tranh công nghệ thế giới 2025.

Tổng luận **“Dự báo kinh tế thế giới và xu hướng công nghệ năm 2025”** nhằm cung cấp cho bạn đọc những thông tin cơ bản về bức tranh kinh tế thế giới năm 2024, dự báo cho năm 2025 và một số xu hướng công nghệ nổi bật trong năm nay.

Trân trọng giới thiệu.

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ NĂM 2025

I. NHÌN LẠI TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2024

1.1. Nhìn lại tình hình thế giới năm 2024

1.1.1. Bối cảnh chính trị toàn cầu

Cuộc bầu cử tổng thống tại Hoa Kỳ và những diễn biến liên quan đến xung đột ở Ukraine, xung đột Israel và Hamas kéo theo những căng thẳng ở Trung Đông là những sự kiện chính. Châu Âu chứng kiến sự gia tăng của các chính phủ cực hữu, trong khi Ấn Độ và Hàn Quốc đều đối mặt với biến động chính trị nội bộ. Trung Quốc tiếp tục gia tăng ảnh hưởng toàn cầu.

Cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine tiếp tục kéo dài trong năm 2024, gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với cả hai quốc gia và cộng đồng quốc tế. Các cuộc tấn công và phản công liên tục diễn ra, gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Hàng triệu người dân phải di tản, tạo ra làn sóng tị nạn lớn nhất châu Âu kể từ Thế chiến II. Các quốc gia phương Tây tiếp tục áp đặt các biện pháp trừng phạt kinh tế đối với Nga, nhằm gây áp lực buộc nước này chấm dứt xung đột. Nhiều quốc gia cung cấp viện trợ quân sự và nhân đạo cho Ukraine, thể hiện sự ủng hộ đối với chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước này. Trước chính sách của Tổng thống Trump và bối cảnh an ninh phức tạp, các nước châu Âu, do Anh dẫn đầu đã tăng cường năng lực quốc phòng.

Xung đột giữa Israel và Hamas tiếp tục căng thẳng trong năm 2024, lan rộng sang Liban khi Israel tấn công các vị trí của Hezbollah. Thỏa thuận ngừng bắn giữa Israel và Hezbollah có hiệu lực từ 27/11, đánh dấu bước đầu hòa giải sau 14 tháng giao tranh. Tuy nhiên, nguy cơ tái diễn xung đột vẫn cao, khiến thỏa thuận có thể chỉ mang tính tạm thời. Tiến trình hòa bình Trung Đông có dấu hiệu tích cực nhưng vẫn cần sự phối hợp chặt chẽ từ các bên để bảo đảm ổn định lâu dài.

Năm 2024 được coi là "siêu chu kỳ bầu cử" với hơn 70 quốc gia tổ chức bầu cử, chiếm hơn một nửa dân số thế giới⁵. Những cuộc bầu cử này đã làm nổi bật các thách thức như thông tin sai lệch, tỷ lệ cử tri trẻ thấp, và tác động của tiến bộ công nghệ đối với các quá trình dân chủ. Nhiều chính phủ đương nhiệm thất bại trong việc tái cử, phản ánh sự bất mãn của cử tri đối với tình hình kinh tế và chính trị hiện tại. Đã có xu hướng trỗi dậy của các đảng phái cực hữu, với việc các đảng phái cực hữu và dân túy giành được sự ủng hộ đáng kể ở nhiều quốc gia, đặc biệt là ở châu Âu. Các đảng phái cực hữu giành được nhiều ghế hơn trong Nghị viện châu Âu, phản ánh sự thay đổi trong quan điểm của cử tri. Tại Ấn Độ, ông Narendra Modi bảo đảm nhiệm kỳ

⁵ <https://eu.boell.org/en/2025/01/20/world-elects-assessing-super-election-year-2024>

thứ ba với tư cách Thủ tướng, củng cố ảnh hưởng chính trị của mình.

Một số quốc gia đã trải qua sự bất ổn chính trị đáng kể: tại Hàn Quốc, Tổng thống Yoon Suk Yeol bị luận tội sau khi tuyên bố thiết quân luật, dẫn đến sự bất ổn chính trị. Tại Đức, Chính phủ liên minh sụp đổ, đòi hỏi phải tổ chức bầu cử sớm. Sự bất ổn chính trị tiếp tục tại Pháp sau khi Tổng thống Macron giải tán Quốc hội.

Xu hướng đa cực hóa và liên minh toàn cầu: Năm 2024 cũng đánh dấu một sự chuyển dịch hướng tới đa cực hóa, với các quốc gia tham gia vào nhiều liên minh để tăng cường vị thế của mình. Ví dụ, Ấn Độ cân bằng mối quan hệ với phương Tây thông qua Đối thoại An ninh Tứ giác (Quad), tham gia BRICS và Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO). Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng của mình thông qua các quan hệ đối tác chiến lược và Sáng kiến Vành đai và Con đường. Hoa Kỳ dưới sự lãnh đạo của Trump đối mặt với sự không chắc chắn trong các liên minh, đặc biệt là với NATO, trong khi châu Âu tìm cách tự chủ hơn trong lĩnh vực quốc phòng và năng lượng. Các nhà phân tích nhận thấy sự hợp tác ngày càng chặt chẽ giữa Nga, Trung Quốc, Iran và Triều Tiên, mà họ gọi là "Trục bất ổn". Liên minh không chính thức này tìm cách thách thức trật tự quốc tế do phương Tây dẫn dắt thông qua hợp tác kinh tế, quân sự và ngoại giao. Bối cảnh địa chính trị trở nên phức tạp hơn, với các liên minh và đối thủ chồng chéo.

Xu hướng công nghệ và an ninh: tiến bộ công nghệ, bao gồm AI, đặt ra những thách thức đáng kể đối với các quá trình dân chủ và an ninh toàn cầu. Thông tin sai lệch đã được xác định là những mối đe dọa lớn đối với tính toàn vẹn của bầu cử. Các doanh nghiệp tiếp tục tăng cường ứng dụng AI vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Các tập đoàn công nghệ hàng đầu, đặc biệt là "Bộ 7 vĩ đại" (Magnificent Seven)⁶, có vai trò quan trọng trong thị trường tài chính, cho thấy AI ngày càng tích hợp sâu vào nền kinh tế.

Năm 2024 chứng kiến những thảm họa khí hậu nghiêm trọng, bao gồm siêu bão và lũ lụt lịch sử. Cộng đồng toàn cầu đã đồng ý về mục tiêu tài chính khí hậu mới tại COP29, cam kết các nước phát triển sẽ đóng góp 300 tỷ USD mỗi năm từ năm 2035 để giúp các nước đang phát triển thích nghi với biến đổi khí hậu. Hơn 30 quốc gia/vùng lãnh thổ đã cam kết trong "Tuyên bố tăng gấp 3 công suất năng lượng hạt nhân" để góp phần đạt được mục tiêu Net Zero vào năm 2050.

Tóm lại, năm 2024 là một năm có những thay đổi sâu sắc trong địa chính trị, với những cuộc bầu cử quan trọng, xung đột leo thang, và sự chuyển dịch hướng tới đa cực hóa toàn cầu. Những sự kiện này đã đặt ra bối cảnh cho những thách thức liên tục trong chính trị toàn cầu, sự ổn định kinh tế, và quan hệ quốc tế trong những năm

⁶ 7 công ty công nghệ lớn nhất trên thị trường chứng khoán Hoa Kỳ, gồm: Apple, Microsoft, Alphabet, (Google), Amazon, Nvidia, Meta (Facebook) và Tesla

tới. Tác động của những động lực này sẽ tiếp tục định hình bối cảnh chính trị toàn cầu, ảnh hưởng đến cách các quốc gia tương tác và phản ứng với những thách thức toàn cầu mới nổi.

1.1.2. Tăng trưởng kinh tế ở một số quốc gia và khu vực năm 2024

Kinh tế thế giới nhìn chung tăng trưởng ổn định trong năm 2024, tuy nhiên ảnh hưởng tiêu cực bởi các xung đột địa chính trị tại Ukraine và Trung Đông khiến cho kinh tế thế giới không có nhiều khởi sắc. Giá cả hàng hóa thế giới hạ nhiệt, chính sách tài chính tiền tệ từng bước được nới lỏng. Tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2024 được IMF dự kiến đạt 3,2%, giảm nhẹ so với 3,3% năm 2023.

Điểm sáng đầu tiên của kinh tế thế giới năm nay là cuộc chiến chống lạm phát. Mặc dù vẫn còn áp lực giá cả ở một số quốc gia, song về cơ bản, lạm phát toàn cầu đang được kiểm chế có hiệu quả, từ đó cho phép các ngân hàng trung ương (NHTW) nới lỏng chính sách tiền tệ. Kinh tế toàn cầu vẫn duy trì tính linh hoạt nhất định trong quá trình giảm lạm phát. Tăng trưởng toàn cầu dự kiến sẽ ổn định ở mức 3,2% trong các năm 2024 và 2025 (IMF, 2024). Tuy nhiên, một số nền kinh tế thu nhập thấp và đang phát triển đã giảm mức tăng trưởng so với kỳ vọng, gắn với các xung đột và bất ổn chính trị trong nước và khu vực.

Tăng trưởng kinh tế tại các nền kinh tế phát triển

Các tổ chức quốc tế như WB⁷, UN⁸, IMF⁹, OECD¹⁰ đều cho rằng năm 2024, các nền kinh tế phát triển có mức tăng trưởng GDP trung bình 1,7%, nhờ sự tăng trưởng ổn định của Hoa Kỳ và sự phục hồi nhẹ của khu vực đồng Euro, nhưng lại có sự suy giảm mạnh ở Nhật Bản.

Đối với kinh tế Hoa Kỳ, UN (Liên hợp quốc), OECD (Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế) và IMF (Quỹ Tiền tệ Quốc tế) đều ước tính tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ ở mức 2.8% trong năm 2024. Trong khi đó, WB ít lạc quan hơn khi cho rằng tỷ lệ này chỉ đạt 1,7%, bằng tỷ lệ năm 2023. Tăng trưởng được thúc đẩy nhờ tiêu dùng mạnh mẽ và chi tiêu chính phủ, mặc dù các yếu tố như lãi suất cao và căng thẳng thương mại toàn cầu có thể ảnh hưởng đến tốc độ phục hồi. Chính sách tài khóa mở rộng và tiêu dùng vững chắc từ các hộ gia đình có thể khiến tăng trưởng vượt kỳ vọng. Mặc dù vậy, nền kinh tế Hoa Kỳ vẫn gặp phải thách thức từ lạm phát và sự không chắc chắn trong chính sách thương mại. Lạm phát năm 2024 của Hoa Kỳ ước tính giảm xuống còn 2,9% (từ mức 4,1%) theo ADB hoặc 3,0% theo chỉ số giá tiêu dùng do IMF ước tính. Tỷ lệ thất nghiệp 2024 có thể tăng lên một chút, từ 3,6% năm

⁷ Global Economic Prospects, 1/2025

⁸ World Economic Situation and Prospects, 1/2025

⁹ World Economic Outlook, 1/2025

¹⁰ OECD Economic Outlook, 12/2024

2023 lên 4,1% năm 2024 theo ước tính của IMF, nhưng vẫn khá ổn định, phản ánh nền kinh tế Hoa Kỳ đang phục hồi khá tốt sau các tác động của đại dịch và cuộc chiến Ukraine. Nhìn chung, nền kinh tế Hoa Kỳ vẫn duy trì được nhịp tăng trưởng trong môi trường lãi suất cao.

Tình hình kinh tế *Nhật Bản* trong giai đoạn 2023 và 2024 được dự báo khá ảm đạm với tỷ lệ tăng trưởng GDP thấp. Cụ thể, WB, UN, OECD và ADB đều ước tính GDP Nhật Bản có thể giảm hoặc duy trì ở mức 0,0% đến -0,2% trong năm 2024, thấp hơn nhiều so với mức 1,5% của năm 2023, phản ánh những khó khăn trong việc phục hồi nền kinh tế sau đại dịch và các vấn đề tiêu dùng tư nhân yếu, đầu tư kinh doanh có xu hướng giảm, cấu trúc như già hóa dân số và giảm sức cạnh tranh. Theo ADB, chỉ số lạm phát năm 2024 có thể giảm xuống còn 0,4% năm 2024, so với 1,9% năm 2023. Tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức thấp, khoảng 2,5% năm 2024, so với 2,6% năm 2023, cho thấy thị trường lao động vẫn ổn định. Tuy nhiên, tình hình tăng trưởng yếu và khả năng phục hồi thấp có thể tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến triển vọng kinh tế Nhật Bản.

Trong *Khu vực đồng Euro*, tăng trưởng GDP vẫn duy trì ở mức thấp, chỉ đạt từ 0,7% đến 0,8% trong năm 2024, tăng nhẹ so với mức 0,4% năm 2023, Điều này cho thấy nền kinh tế khu vực tiếp tục phục hồi dần sau đợt suy thoái năm 2023 (chủ yếu do nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề bởi giá năng lượng cao và lạm phát). Tăng trưởng khu vực vẫn yếu do tiêu dùng và đầu tư kinh doanh giảm sút, nhu cầu thấp từ các đối tác thương mại quan trọng như Đức và sự điều chỉnh giảm sản lượng công nghiệp. Các biện pháp kích thích tài khóa của Liên minh châu Âu (EU) như các khoản tài trợ từ Quỹ Phục hồi và Biên giới Bền vững có thể đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ đầu tư công và tư, nhưng vẫn còn nhiều thách thức trong việc sử dụng hiệu quả nguồn tài chính. Khu vực đồng Euro đang đối mặt với những thách thức trong việc duy trì tăng trưởng kinh tế ổn định và giảm tỷ lệ thất nghiệp. Lạm phát của khu vực đồng Euro được ADB ước tính là 0,8% năm 2024, cao hơn một chút so với 0,5% năm 2023. Tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức 6,5%. Sự phục hồi của EU diễn ra không đồng đều, một số nền kinh tế lớn có mức tăng trưởng thấp và chậm, như Pháp, Italia, Đức...

Sau quý I tăng trưởng mạnh, kinh tế *Hàn Quốc* suy giảm trong quý II/2024 với tốc độ tăng trưởng âm -0,2% so với quý trước, sau đó phục hồi nhẹ lên 0,1% vào quý III/2024. Kinh tế Hàn Quốc cả năm 2024 được các tổ chức quốc tế dự báo đạt mức tăng trưởng từ 2,0% đến 2,2%. Tỷ lệ lạm phát hàng năm của Hàn Quốc được ước tính từ 2,3% đến 2,5%, giảm so với 3,6% năm 2023. Tuy nhiên, lạm phát vẫn thấp hơn mục tiêu 2% của Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc. Cuối tháng 11/2024, Ngân hàng Hàn Quốc bất ngờ giảm lãi suất chuẩn 25 điểm cơ bản xuống 3%, đánh dấu lần đầu tiên cắt giảm lãi suất liên tiếp kể từ năm 2009. Tỷ lệ thất nghiệp được ước tính chỉ tăng nhẹ lên 2,6% từ mức 2,5%.

Tăng trưởng kinh tế tại các nền kinh tế mới nổi và phát triển

Kinh tế *Trung Quốc* tăng trưởng chậm lại trong năm 2024. WB, OECD, ADB và IMF ước tính tăng trưởng GDP của Trung Quốc năm 2024 chỉ khoảng từ 4,8 đến 4,9%, so với 5,2% năm 2023, chủ yếu do tổng cầu yếu vì tình trạng khó khăn kéo dài trong lĩnh vực bất động sản, vốn chiếm khoảng 60% tài sản của các hộ gia đình thành thị, và tiêu dùng tư nhân yếu. Dù vậy, đầu tư cơ sở hạ tầng và sản xuất công nghiệp vẫn tăng trưởng ổn định, với sản xuất công nghiệp đặc biệt mạnh mẽ nhờ nhu cầu xuất khẩu tăng. Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra các biện pháp kích thích kinh tế, bao gồm cắt giảm lãi suất và tăng cường hỗ trợ tài chính cho các ngân hàng nhà nước. Các biện pháp kích thích được công bố vào tháng 9 và tháng 10/2024, cùng với biện pháp kích thích tài khóa công bố vào đầu tháng 11 hỗ trợ tăng trưởng, nhưng phần lớn tác động của các biện pháp này sẽ chỉ được cảm nhận vào năm 2025. Thị trường lao động cũng gặp khó khăn, với tỷ lệ thất nghiệp trên 5%. Những khó khăn trong việc phục hồi tiêu dùng và thị trường bất động sản tiếp tục làm giảm khả năng tăng trưởng bền vững của nền kinh tế trong dài hạn. Về tổng thể, Trung Quốc đang đối mặt với một cuộc chuyển đổi cấu trúc lớn từ nền kinh tế phụ thuộc vào xuất khẩu và đầu tư sang mô hình kinh tế dựa vào tiêu dùng nội địa hơn. Chính phủ vẫn đang nỗ lực điều chỉnh chính sách để khắc phục sự suy giảm và tăng cường phát triển trong các ngành công nghiệp và cơ sở hạ tầng.

Nền kinh tế *Ấn Độ* được các tổ chức quốc tế đánh giá vẫn có sự tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2024, đạt từ 6,5% đến 6,8%, dù tốc độ này thấp hơn nhiều so với 8,2% năm 2023. Tăng trưởng này chủ yếu đến từ đầu tư công vào cơ sở hạ tầng và tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ, hỗ trợ cho đầu tư tư nhân. Sản xuất nông nghiệp phục hồi nhờ mưa mùa lớn, làm gia tăng thu nhập nông thôn và giúp giảm áp lực lạm phát. Tăng trưởng xuất khẩu được kỳ vọng phục hồi nhẹ. Tuy nhiên, tăng trưởng vẫn gặp khó khăn do vấn đề cung lao động, đặc biệt là việc chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang các ngành công nghiệp.

Theo báo cáo của WB (Global Economic Prospects, 1/2025), kinh tế các nước ASEAN tiếp tục hồi phục với GDP tăng trưởng ở tất cả các nền kinh tế, trong đó Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao nhất, ước tính 6,8%, tiếp đến là Philippines 5,9%, Campuchia 5,3%, Indonesia 5,0%, Malaysia 4,9%. Các động lực tăng trưởng chính của các nền kinh tế ASEAN gồm tiêu dùng mạnh mẽ, sản xuất được mở rộng và xuất khẩu tăng cao hơn nhờ sự cải thiện về nhu cầu toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực điện tử.

Bảng 1.1. Tổng hợp số liệu về tỷ lệ tăng trưởng GDP, chỉ số giá tiêu dùng và tỷ lệ thất nghiệp của một số nước và khu vực

	WB			UN	OECD	ADB			IMF			
	Tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2022	Tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2023	Tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2024	Tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2024	Tỷ lệ tăng trưởng GDP 2024	Tỷ lệ tăng trưởng GDP 2024	Chỉ số lạm phát 2023	Chỉ số lạm phát 2024	Tỷ lệ tăng trưởng GDP 2024	Chỉ số giá tiêu dùng 2024	Tỷ lệ thất nghiệp 2023	Tỷ lệ thất nghiệp 2024
Thế giới	3,2	2,8	2,7	2,8	3,2				3,2			
Hoa Kỳ	2,5	1,7	1,7	2,8	2,8	2,7	4,1	2,9	2,8	3,0	3,6	4,1
Nhật Bản	2,9	1,5	0,0	-0,2	-0,2	-0,2	1,9	0,4	-0,2	2,2	2,6	2,5
Hàn Quốc				2,0	2,2	2,2	3,6	2,3	2,2	2,5	2,7	2,9
Khu vực đồng Euro	3,5	0,4	0,7	0,7	0,8	0,8	0,5	0,8	0,8	2,4	6,6	6,5
OECD												
BRIC												
- Trung Quốc	3,0	5,2	4,9	5,9	4,8	4,8	0,2	0,3	4,8	0,4	5,2	5,1
- Ấn Độ	7,0	8,2	6,5	6,8	6,5	6,5	5,4	4,7	6,5	4,4		
- Nga	-1,2	3,6	3,4	3,8	3,8				3,8	7,9	3,2	2,6
- Braxin	3,0	2,9	3,2	3,0	3,7				3,7	4,3	8,0	7,2
ASEAN												
- Singapore				3,0	2,6	3,5	4,8	2,5	2,6	2,6	1,9	1,9
- Indonesia	5,3	5,0	5,0	5,0	5,0	5,0	3,7	2,4	5,0	2,5	5,3	5,2
- Malaysia	8,9	3,6	4,9	5,0	5,0	5,0	2,5	2,2	5,0	2,8	3,6	3,5
- Thái Lan	2,5	1,9	2,6	2,6	2,7	2,6	1,2	0,5	2,7	0,5	1,0	1,1
- Việt Nam	8,1	5,0	6,8	6,1	6,1	6,4	3,3	3,9	6,1	4,1	2,0	2,1
- Campuchia	5,1	5,0	5,3	5,8		5,8	2,1	0,5	5,5	0,7		
- Lào	2,7	3,7	4,1	4,0		4,0	31,2	25,0	4,1	22,0		
- Philippines	7,6	5,5	5,9	5,6	5,8	6,0	6,0	3,6	5,8	3,3	4,4	4,4
Mỹ Latinh và Caribe	4,0	2,3	2,2	1,9					2,1	16,8		
Các nền kinh tế phát triển	2,8	1,7	1,7		1,7				1,7	2,6		
Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển	3,7	4,2	4,1		4,2				4,2	7,9		
Các nền kinh tế thu nhập trung bình	3,7	4,6	4,3		4,2				4,2			

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của UN (World Economic Situation and Prospects, 1/2025), WB (Global Economic Prospects, 1/2025), IMF (World Economic Outlook, 1/2025), OECD (OECD Economic Outlook, 12/2024), ADB (Asian Development Outlook, 12/2024).

1.2. Phân tích các vấn đề chính liên quan đến kinh tế thế giới năm 2024

Lạm phát và an ninh lương thực

Lạm phát toàn cầu tiếp tục giảm trong năm 2024, từ 5,6% năm 2023 xuống ước tính 4,0%. Nguyên nhân là do áp lực thị trường lao động giảm, giá thực phẩm, năng lượng và hàng hóa quốc tế hạ nhiệt. Các nước phát triển đang dần ổn định lạm phát quanh mức mục tiêu của ngân hàng trung ương, tạo điều kiện nói lỏng chính sách tiền tệ.

Tại các nền kinh tế phát triển, lạm phát trung bình giảm từ 4,8% năm 2023 xuống 2,6% năm 2024. Dù giá thực phẩm và năng lượng hạ, lạm phát lõi vẫn ở mức cao, chủ yếu do chi phí nhà ở và dịch vụ tài chính. Thị trường lao động thắt chặt và tăng lương tiếp tục tạo áp lực lên giá cả, dù xu hướng này có thể dịu đi trong ngắn hạn. Ở các nước đang phát triển, lạm phát giảm từ 7,0% năm 2023 xuống ước tính 6,0% năm 2024. Tuy nhiên, một số quốc gia như Lào, Argentina, Iran, Lebanon, Venezuela, Thổ Nhĩ Kỳ và Zimbabwe vẫn đối mặt với lạm phát hai con số. Từ khi đại dịch bắt đầu, giá tiêu dùng ở các nước đang phát triển đã tăng 35%, cao hơn nhiều so với 20% ở các nước phát triển.

Dù giá thực phẩm quốc tế giảm, lạm phát thực phẩm tại các nước đang phát triển vẫn cao và biến động do áp lực tỷ giá, sản lượng nông nghiệp yếu và cú sốc khí hậu. Năm 2024, 50% các nước đang phát triển có lạm phát thực phẩm trên 5%. Khủng hoảng lương thực tiếp tục nghiêm trọng do giá thực phẩm cao, xung đột và thiên tai. Các nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất gồm Chad, Ethiopia, Nigeria, Sudan, Yemen và Zimbabwe. Dải Gaza đối mặt với tình trạng tồi tệ nhất, khi toàn bộ 2,2 triệu dân cần viện trợ khẩn cấp.

Dù tỷ lệ nghèo cùng cực toàn cầu đã trở lại mức trước đại dịch, tiến trình này chậm lại. Khoảng 692 triệu người vẫn sống trong cảnh nghèo đói năm 2024, giảm từ 713 triệu năm 2022. Tuy nhiên, tình trạng này không đồng đều giữa các khu vực. Ở châu Phi, dân số tăng nhanh khiến số người nghèo vẫn tiếp tục gia tăng. Trung Đông và Bắc Phi cũng ghi nhận sự gia tăng số người sống dưới mức nghèo cùng cực từ năm 2018 đến 2024, do bất ổn chính trị và suy thoái kinh tế.

Thị trường lao động

Các nền kinh tế phát triển tiếp tục duy trì thị trường lao động mạnh mẽ trong năm 2024, dù tốc độ tăng việc làm có dấu hiệu chậm lại. Tỷ lệ thất nghiệp ở nhiều quốc gia vẫn ở mức thấp kỷ lục. Đến tháng 5/2024, tổng số việc làm trong các nước OECD đã tăng 3,8% so với trước đại dịch. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động cũng cao nhất kể từ năm 2008, đặc biệt nhờ vào sự gia tăng mạnh mẽ của phụ nữ.

Tăng trưởng lương danh nghĩa và lạm phát chậm lại giúp tiền lương thực tế tăng ở hầu hết các nước phát triển. Tuy nhiên, tốc độ tạo việc làm có xu hướng giảm, cho

thấy có thể đã đạt đỉnh. Các công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì nhân sự do chi phí lao động tăng cao. Một số ngành dịch vụ, đặc biệt là y tế, vẫn thiếu hụt lao động và buộc phải đưa ra các gói phúc lợi hấp dẫn hơn.

Tại Hoa Kỳ, tỷ lệ thất nghiệp duy trì quanh mức 4%, thấp nhất kể từ đầu những năm 2000. Tuy nhiên, các dấu hiệu suy giảm đang xuất hiện, như số lượng việc làm mới giảm và thời gian tìm việc kéo dài hơn. Chính sách hạn chế nhập cư và thúc đẩy sản xuất trong nước có thể ảnh hưởng đến thị trường lao động vào năm 2025. Tại châu Âu, tỷ lệ thất nghiệp thấp nhưng số giờ làm việc tiếp tục giảm do doanh nghiệp giữ nhân sự dù nhu cầu yếu. Đức cần thêm 400.000 lao động mỗi năm để duy trì việc làm, con số này vượt xa khả năng bù đắp bằng di cư nội khối. Việc làm không thiếu nhưng sự không phù hợp kỹ năng vẫn là vấn đề lớn. Nhật Bản đối mặt với tình trạng thiếu lao động nghiêm trọng do dân số già. Dù người lao động làm việc nhiều giờ, mức tăng lương danh nghĩa vẫn thấp hơn lạm phát, khiến thu nhập thực tế giảm từ năm 2021. Tuy nhiên, xu hướng tăng lương gần đây có thể báo hiệu sự phục hồi. Tại Nga, thị trường lao động thắt chặt do nhập ngũ và di cư lao động. Tỷ lệ thất nghiệp chỉ 2,3% vào tháng 10/2024, nhưng cơ hội việc làm cho lao động nhập cư bị thu hẹp. Các nước Trung Á đang tìm kiếm các thỏa thuận lao động mới để tạo cơ hội việc làm cả trong nước và nước ngoài.

Các nền kinh tế đang phát triển tiếp tục đối mặt với thất nghiệp thanh niên cao

Tình hình lao động tại các nước đang phát triển vẫn đầy thách thức, với sự khác biệt lớn giữa các khu vực. Một số nền kinh tế lớn có dấu hiệu khả quan. Tại Brazil, tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống mức thấp nhất trong 10 năm, còn 6,6% vào giữa năm 2024. Ấn Độ duy trì tỷ lệ tham gia lao động cao kỷ lục, trong khi Trung Quốc và Indonesia cũng ghi nhận sự cải thiện. Ngược lại, Mexico và nhiều nước Mỹ Latinh vẫn tăng trưởng việc làm yếu, với phần lớn công việc mới thuộc khu vực phi chính thức. Ở châu Phi, dân số trẻ tăng nhanh gây áp lực lớn lên thị trường lao động. Nam Phi tiếp tục có tỷ lệ thất nghiệp trên 30%.

Thất nghiệp thanh niên đang là vấn đề nghiêm trọng. Dù tỷ lệ thất nghiệp toàn cầu của thanh niên giảm xuống mức thấp nhất trong 15 năm (13%), nhiều khu vực như Tây Á, Bắc Phi, Nam Á và Mỹ Latinh vẫn có tỷ lệ trên 20%. Phần lớn thanh niên ở các khu vực này không có việc làm, không đi học và không được đào tạo nghề (NEET).

Lao động phi chính thức vẫn là nguồn việc làm chính cho thanh niên, với mức lương thấp và không có phúc lợi. Ở châu Phi hạ Sahara, Nam Á và Mỹ Latinh, phần lớn thanh niên phải làm công việc tự do hoặc giúp việc gia đình không lương. Dù giáo dục được mở rộng, sự chênh lệch giữa kỹ năng được đào tạo và nhu cầu thực tế khiến tỷ lệ thất nghiệp hoặc việc làm không ổn định vẫn cao. Áp lực dân số làm vấn

đề này càng nghiêm trọng, đặc biệt ở châu Phi. Nam Phi có tỷ lệ thất nghiệp thanh niên tới 60%. Tại châu Phi cận Sahara, ¾ lao động trẻ không có việc làm ổn định.

Tại Nam Á, dù tỷ lệ thất nghiệp thanh niên đã giảm, tỷ lệ NEET vẫn ở mức cao (trên 25%). Trung Quốc ghi nhận tỷ lệ thất nghiệp thanh niên đô thị lên tới 17,6% cuối năm 2024, cao hơn nhiều so với tỷ lệ thất nghiệp chung 5,2%.

Việc tạo đủ việc làm cho lực lượng lao động trẻ đòi hỏi thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cải cách giáo dục theo nhu cầu thực tế. Tuy nhiên, triển vọng tăng trưởng chậm và nguồn tài chính hạn hẹp đang là trở ngại lớn đối với các nước đang phát triển.

Thương mại và đầu tư toàn cầu

Sau suy giảm trong năm 2023, thương mại toàn cầu phục hồi mạnh mẽ vào năm 2024 với mức tăng 3,4%, cao hơn đáng kể so với mức 0,9% của năm trước. Nguyên nhân chính là do thương mại hàng hóa tăng trưởng 2,4% sau khi suy giảm vào năm 2023, nhờ lạm phát hạ nhiệt và xuất khẩu tăng mạnh từ Hoa Kỳ và châu Á, đặc biệt là Trung Quốc. Thương mại dịch vụ tiếp tục tăng trưởng tốt, đạt 6,4%, với du lịch đóng vai trò quan trọng.

Trong năm 2024, xuất khẩu từ Hoa Kỳ tăng mạnh ở các lĩnh vực như máy móc hạng nặng và hàng không, trong khi châu Âu và Anh gặp khó khăn. Trung Quốc và các nước đang phát triển tại châu Á có tốc độ tăng xuất khẩu cao nhất, chủ yếu nhờ vào lĩnh vực điện tử.

Giá hàng hóa suy giảm ảnh hưởng đến xuất khẩu từ châu Phi và Mỹ Latinh. Giá sắt thép giảm 9%, giá nhiên liệu giảm 7% so với cùng kỳ năm trước, khiến giá trị thương mại hàng hóa toàn cầu không tăng trưởng đáng kể. Tuy nhiên, thương mại bán dẫn tăng gần 20% nhờ sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI).

Thương mại hàng hóa gặp trở ngại lớn do các cuộc tấn công ở Biển Đỏ, làm gián đoạn tuyến vận tải qua kênh đào Suez, đẩy chi phí vận chuyển tăng vọt. Giá hàng hóa tiếp tục giảm do căng thẳng địa chính trị, biến động cung cầu và suy thoái kinh tế. Tuy nhiên, giá vàng tăng do nhu cầu “trú ẩn” an toàn, còn giá đồng đi lên nhờ nhu cầu thị trường cao.

Thương mại dịch vụ đạt 25% tổng thương mại toàn cầu. Du lịch quốc tế phục hồi, với 1,4 tỷ lượt khách năm 2024, tăng 11% so với năm trước và gần bằng mức trước đại dịch. Châu Âu, Trung Đông và châu Phi ghi nhận mức tăng trưởng mạnh, trong khi châu Á – Thái Bình Dương phục hồi chậm hơn. Doanh thu từ du lịch đạt 1,6 nghìn tỷ USD, cao hơn 4% so với năm 2019.

Tuy nhiên, triển vọng thương mại toàn cầu vẫn bất ổn do căng thẳng thương mại leo thang. Hoa Kỳ, Canada và EU áp thuế cao lên xe điện nhập khẩu từ Trung Quốc, trong khi số biện pháp phòng vệ thương mại của nhóm G20 tăng mạnh. Việc phân

mạnh thương mại toàn cầu có thể làm tăng chi phí, gây cản trở tăng trưởng kinh tế dài hạn.

Cải thiện đầu tư khiêm tốn, nhưng thách thức vẫn còn

Đầu tư toàn cầu, đo bằng tổng vốn cố định thực, ước tính tăng 3,4% năm 2024 sau hai năm suy giảm. Sự không chắc chắn về chính sách tiền tệ khiến đầu tư chững lại nửa đầu năm, nhưng lãi suất giảm giúp thúc đẩy hoạt động trong nửa cuối năm. Tuy nhiên, các rủi ro vẫn tồn tại do tăng trưởng toàn cầu chậm lại, lạm phát chưa ổn định và niềm tin tiêu dùng thấp. Lãi suất tại các nước phát triển vẫn cao hơn mức trước đại dịch, trong khi nhiều nước đang điều chỉnh chính sách để giảm phụ thuộc vào nhập khẩu. Điều này đặt ra thách thức lớn cho các nước đang phát triển trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

Đầu tư vốn cố định tại các nước đang phát triển ước tính tăng 5,2% năm 2024, với châu Á dẫn đầu. Ấn Độ, Indonesia và Việt Nam hưởng lợi từ dòng vốn đầu tư mới vào chuỗi cung ứng. Trung Quốc giữ mức tăng trưởng ổn định, với đầu tư vào sản xuất bán dẫn và năng lượng tái tạo tăng lần lượt 9,2% và 10%. Ấn Độ tiếp tục đầu tư mạnh vào hạ tầng giao thông, số hóa và cải thiện điều kiện sống. Tại Hoa Kỳ Latinh, Mexico hưởng lợi từ xu hướng chuyển chuỗi cung ứng gần hơn, với đầu tư vốn cố định tăng 5,6% nhờ xây dựng và máy móc thiết bị. Nhưng các khu vực khác chịu ảnh hưởng tiêu cực từ giá hàng hóa biến động. Châu Phi và Tây Á có mức tăng trưởng đầu tư thấp. Nhiều nước châu Phi đối mặt với gánh nặng nợ cao, hạn chế khả năng chi tiêu công. Tư nhân cũng e ngại đầu tư do lãi suất cao, giá hàng hóa biến động và thương mại chậm lại. Tại Tây Á, dù có kế hoạch đa dạng hóa kinh tế, doanh thu dầu mỏ yếu đã kìm hãm đầu tư mới.

Các nền kinh tế phát triển ghi nhận mức tăng trưởng đầu tư khiêm tốn. Khu vực đồng euro giảm 2,2% trong nửa đầu năm 2024, đặc biệt là đầu tư vào xây dựng và thiết bị. Đức chịu ảnh hưởng nặng nề nhất do nhu cầu xuất khẩu yếu và chi phí vay cao. Tại Hoa Kỳ, đầu tư vào công nghệ AI tăng mạnh, chiếm hơn 1/3 tổng đầu tư doanh nghiệp toàn cầu vào AI năm 2023. Hoa Kỳ cũng dẫn đầu về đầu tư vào trung tâm dữ liệu, với nhu cầu năng lượng tăng từ 25 GW năm 2024 lên hơn 80 GW vào năm 2030, đòi hỏi hơn 500 tỷ USD đầu tư. Xu hướng phát triển AI và số hóa dự kiến tiếp tục thúc đẩy đầu tư vào hạ tầng công nghệ trong thập kỷ tới.

Tài chính quốc tế

Dòng vốn tài chính xuyên biên giới đã phục hồi trong năm 2024 sau giai đoạn trì trệ từ năm 2022. Trước đó, chi phí tài chính tăng cao do chính sách tiền tệ thắt chặt tại các nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ và khu vực đồng euro đã kìm hãm các hoạt động tài chính quốc tế.

Chênh lệch giữa các nước chủ nợ và con nợ lớn nhất tiếp tục nới rộng. Hoa Kỳ là con nợ lớn nhất với vị thế đầu tư quốc tế ròng (NIIP) âm 22,52 nghìn tỷ USD (77% GDP) vào giữa năm 2024, tăng 24% so với năm trước. Ngược lại, Đức (3,4 nghìn tỷ USD), Nhật Bản (3,3 nghìn tỷ USD) và Trung Quốc (3,0 nghìn tỷ USD) là ba chủ nợ lớn nhất.

Mặc dù NIIP âm không đồng nghĩa với rủi ro vỡ nợ, các nước kém phát triển (LDCs) với NIIP âm cao thường gặp khó khăn về tài chính. Tại các nước này, tài sản bên ngoài chủ yếu là dự trữ ngoại hối, trong khi nợ nước ngoài chủ yếu đến từ FDI và nợ chính phủ. Một lượng lớn FDI có thể làm trầm trọng thêm thâm hụt cán cân thanh toán do lợi nhuận chuyển ra nước ngoài. Mozambique có tỷ lệ NIIP/GDP âm cao nhất (-328%), tiếp theo là Bhutan (-129%) và Campuchia (-117%).

Dù tâm lý nhà đầu tư tích cực giúp phục hồi tài chính xuyên biên giới, hai rủi ro chính vẫn tồn tại. Thứ nhất, khả năng lãi suất đồng yên tăng có thể gây biến động thị trường. Thứ hai, lợi suất trái phiếu chính phủ Hoa Kỳ cao làm giảm sức hấp dẫn của các tài sản tài chính dài hạn, có thể hạn chế khả năng tiếp cận vốn của các nước đang phát triển.

Thách thức chính sách kinh tế vĩ mô

Hầu hết ngân hàng trung ương trên thế giới đã chuyển sang nói lỏng chính sách tiền tệ trong năm 2024 do áp lực lạm phát giảm và lo ngại chi phí tài chính cao ảnh hưởng đến tăng trưởng. Ngân hàng Trung ương châu Âu bắt đầu cắt giảm lãi suất vào tháng 6, tiếp theo là Ngân hàng Anh vào tháng 7 và Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ vào tháng 9. Ngân hàng Trung ương Nhật Bản là trường hợp ngoại lệ khi tăng lãi suất vào tháng 3, chấm dứt chính sách lãi suất âm kéo dài từ năm 2016.

Đến tháng 11/2024, trong số 108 ngân hàng trung ương, 67 đã hạ lãi suất, tăng mạnh so với con số 31 vào cuối năm 2023. Chỉ 17 ngân hàng tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ, chủ yếu ở châu Phi và Mỹ Latinh. Một số nước như Brazil đã phải đảo ngược chính sách nói lỏng do lạm phát gia tăng trở lại.

Xu hướng giảm lãi suất có thể giúp các nền kinh tế đang phát triển giảm chi phí tài chính, hạn chế áp lực mất giá tiền tệ và thu hút đầu tư. Tuy nhiên, có nhiều yếu tố có thể cản trở quá trình này. Lộ trình cắt giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ và Ngân hàng Trung ương châu Âu vẫn chưa rõ ràng. Cả hai dự kiến kéo dài chính sách nói lỏng đến năm 2026, nhưng lãi suất sẽ vẫn cao hơn nhiều so với giai đoạn trước đại dịch.

Các ngân hàng trung ương ở các nước đang phát triển thường điều chỉnh chính sách theo động thái của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ và Ngân hàng Trung ương châu Âu. Sự phức tạp giữa tăng trưởng, lạm phát, lãi suất và thanh khoản đòi hỏi chính sách linh hoạt, cân bằng giữa hỗ trợ tăng trưởng và ổn định tài chính.

Chính sách tài khóa: thách thức sau nhiều cú sốc

Các quốc gia đang đối mặt với tình trạng tài khóa khó khăn do ảnh hưởng kéo dài từ các cú sốc kinh tế và môi trường vĩ mô đầy thách thức. Nợ công cao kỷ lục và lãi suất cao gây áp lực phải cắt giảm chi tiêu để bảo đảm tính bền vững của nợ. Tuy nhiên, các chính phủ vẫn cần đầu tư vào an ninh kinh tế, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, trong khi việc tăng thu ngân sách gặp khó khăn do năng lực quản lý yếu và sự phản đối của công chúng.

Cuối năm 2024, nợ công toàn cầu đạt khoảng 95,1% GDP, cao hơn 12 điểm phần trăm so với năm 2019 và 36 điểm so với năm 2007. 8 trong số 10 nền kinh tế lớn nhất thế giới có tỷ lệ nợ công vượt 80% GDP, bao gồm Hoa Kỳ, Trung Quốc, Pháp, Ấn Độ và Nhật Bản. Tại các nước đang phát triển, tỷ lệ nợ công/GDP trung bình vượt 65%, với châu Phi và Đông Á tăng gấp đôi so với mức năm 2007.

Dù chính sách tiền tệ nới lỏng từ năm 2024, lãi suất vẫn cao, khiến chi phí trả nợ gia tăng. Năm 2024, trung bình 8,5% thu ngân sách toàn cầu dành cho trả lãi, tăng từ 6% năm 2019. Ở các nước đang phát triển, con số này cao hơn, đạt 11,1%, gấp 4 lần so với các nước phát triển. Điều này làm giảm khả năng đầu tư vào y tế, giáo dục và cơ sở hạ tầng. Châu Phi đối mặt với áp lực nợ lớn nhất, với 27% thu ngân sách dành cho trả lãi năm 2024, tăng mạnh so với 7% năm 2007. Nhiều quốc gia như Ai Cập, Ghana, Nigeria phải chi trả lãi cao hơn cả ngân sách giáo dục và y tế.

Cân bằng giữa ổn định tài khóa và tăng trưởng là thách thức lớn. Các chính phủ cần cải thiện hiệu quả chi tiêu, điều chỉnh trợ cấp và tăng thuế công bằng hơn. Hợp tác quốc tế, mở rộng tài chính ưu đãi và cơ chế tái cấu trúc nợ sẽ giúp các nước đang phát triển có thêm dư địa để đầu tư vào phát triển bền vững.

Cần hợp tác quốc tế mạnh mẽ hơn để đạt tăng trưởng tối đa

Kinh tế thế giới đang đứng trước những thách thức và cơ hội đan xen. Dù tránh được kịch bản tụt lún, tăng trưởng toàn cầu vẫn chưa quay lại mức trung bình 3,2% trước đại dịch. Một số nền kinh tế lớn phục hồi tốt hơn, nhưng nhiều nước kém phát triển và dễ tổn thương vẫn gặp khó khăn.

Hợp tác quốc tế ngày càng cấp thiết nhưng đang chịu áp lực từ khủng hoảng khí hậu, căng thẳng địa chính trị, chủ nghĩa bảo hộ và nợ công tại các nước dễ tổn thương. Để tăng cường hợp tác, cộng đồng quốc tế cần giảm bất bình đẳng quyền lực, nâng cao vai trò của các nước đang phát triển trong các tổ chức đa phương và tận dụng công nghệ để đối phó với biến đổi khí hậu.

Tháng 9/2024, Đại hội đồng Liên hợp quốc tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh Tương lai, thông qua "Hiệp ước Tương lai" nhằm cải tổ hệ thống tài chính toàn cầu, giải quyết nợ công và huy động nguồn lực cho năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, tiến triển còn hạn chế. Tại COP 29, các nước phát triển cam kết huy động 300 tỷ USD/năm đến 2035 để hỗ trợ các nước đang phát triển, nhưng vẫn thấp hơn nhu cầu thực tế. Thỏa

thuận về thị trường carbon quốc tế giúp tài trợ cho các dự án xanh nhưng cần minh bạch hơn.

Việc loại bỏ nhiên liệu hóa thạch tiếp tục gây tranh cãi. Một số nước yêu cầu cam kết ràng buộc nhưng bị phản đối bởi các nước sản xuất dầu mỏ. Thiếu một lộ trình rõ ràng khiến việc chuyển đổi năng lượng gặp trở ngại. Các quốc gia được kêu gọi nộp cam kết khí hậu tham vọng hơn vào năm 2025.

Thương mại toàn cầu cũng đối mặt với rủi ro từ chủ nghĩa bảo hộ. Các biện pháp hạn chế thương mại ngày càng tăng, ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng và khả năng tiếp cận thị trường của các nước nghèo. Hệ thống thương mại đa phương cần cải tổ để giúp các nước kém phát triển tận dụng tài nguyên và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Cộng đồng quốc tế cần tăng cường tài trợ cho phát triển bền vững. Hội nghị Quốc tế lần thứ tư về Tài trợ Phát triển (tháng 6-7/2025) đang xây dựng khung tài chính toàn diện, tập trung vào cải cách thuế, quản lý ngân sách minh bạch và hợp tác chống dòng tiền bất hợp pháp. Vai trò của khu vực tư nhân cũng được nhấn mạnh qua việc mở rộng thị trường tài chính và thúc đẩy đầu tư xanh.

II. DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2025

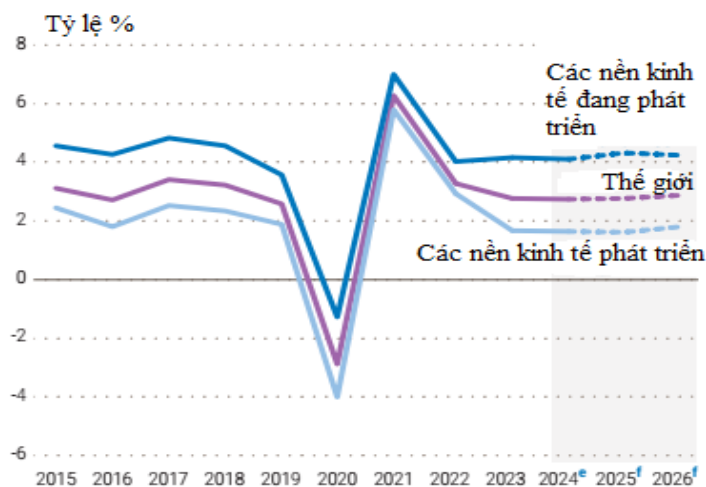
2.1. Khái quát các dự báo kinh tế thế giới năm 2025

Nền kinh tế toàn cầu trong năm 2025 và 2026 được dự báo sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức lớn, dù có những dấu hiệu phục hồi nhất định. Các tổ chức quốc tế như WB, UN, OECD và IMF dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong 2 năm này dao động ở mức khoảng 2,7% đến 3,3%, thấp hơn so với mức trung bình 3,7% của giai đoạn 2000-2019. Các tổ chức quốc tế này đều chỉ ra rằng nền kinh tế toàn cầu đang rơi vào giai đoạn tăng trưởng thấp, chưa đủ mạnh để bảo đảm sự phát triển bền vững. Điều này tạo ra một bức tranh phân hóa, khi các khu vực và quốc gia khác nhau phải đối mặt với những cơ hội và thách thức riêng biệt.

Dự báo của UN

Trong báo cáo World Economic Situation and Prospects (1/2025), UN nhận định nền kinh tế thế giới vẫn duy trì sự tăng trưởng ổn định trong năm 2024, dù đối mặt với nhiều cú sốc liên tiếp và chính sách thắt chặt tiền tệ kéo dài. Trong ngắn hạn, tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến vẫn ổn định nhưng ở mức thấp.

Lạm phát giảm và chính sách tiền tệ nới lỏng ở nhiều quốc gia có thể thúc đẩy nhu cầu. Tuy nhiên, xung đột địa chính trị, thị trường lao động suy yếu, chủ nghĩa bảo hộ và rủi ro khí hậu sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến tăng trưởng. Bên cạnh đó, nhiều nước đang phát triển gặp khó khăn về nợ công, hạn chế khả năng đầu tư vào sản xuất. Lạm phát toàn cầu đã giảm nhưng tốc độ chậm lại, chủ yếu do giá nhà ở và dịch vụ ở các nước phát triển vẫn cao. Dự báo lãi suất có thể duy trì ở mức cao hơn so với trước đại dịch, gây khó khăn cho các nước đang phát triển có gánh nặng nợ lớn.



Hình 2.1. Dự báo của UN về tăng trưởng kinh tế thế giới

Dự báo tăng trưởng toàn cầu đạt 2,8% năm 2025 và 2,9% năm 2026, tương đương mức của năm 2023 và 2024. Trung Quốc và Hoa Kỳ tăng trưởng chậm lại, trong khi EU, Nhật Bản và Anh phục hồi nhẹ. Các nền kinh tế lớn như Ấn Độ và Indonesia có triển vọng tích cực, nhưng nhiều nước nghèo vẫn đối mặt với khó khăn.

Dù nền kinh tế toàn cầu tiếp tục mở rộng, tốc độ tăng trưởng vẫn chậm hơn mức trung bình 3,2% giai đoạn 2010-2019. Nguyên nhân bao gồm đầu tư yếu, năng suất thấp, nợ công cao và vấn đề nhân khẩu học. Nhiều nước đang phát triển còn chịu tác động kéo dài từ đại dịch và các cú sốc kinh tế trước đó.

Việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs) chưa đạt yêu cầu. Dù tỷ lệ nghèo cùng cực trở lại mức trước đại dịch, tình trạng mất an ninh lương thực vẫn ở mức cao, đặc biệt tại các nước thu nhập thấp. Biến đổi khí hậu tiếp tục là mối đe dọa lớn, với năm 2024 được coi là năm nóng nhất trong lịch sử.

Dự báo của WB

Báo cáo Global Economic Prospects (1/2025) của WB dự báo tăng trưởng toàn cầu dự kiến duy trì ở mức 2,7% trong giai đoạn 2025-26. Tuy nhiên, nền kinh tế thế giới dường như đang ổn định ở mức tăng trưởng thấp, không đủ để thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững. Những rủi ro như bất ổn chính sách, căng thẳng thương mại, xung đột địa chính trị, lạm phát kéo dài và thiên tai do biến đổi khí hậu có thể tiếp tục cản trở đà tăng trưởng.

Trong bối cảnh đó, các nền kinh tế thị trường mới nổi và đang phát triển (EMDEs), vốn đóng góp 60% vào tăng trưởng toàn cầu, đang đối mặt với tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người chậm hơn đáng kể so với trước đây. Nếu không có những điều chỉnh chính sách phù hợp, phần lớn các quốc gia thu nhập thấp sẽ khó đạt được mức thu nhập trung bình vào giữa thế kỷ này.

Theo WB, trong giai đoạn 2025-2026, kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ tăng trưởng ở mức trung bình 2,7%/năm nhờ sự phục hồi của thương mại và đầu tư. Tuy nhiên, triển

vọng này không đủ để bù đắp những thiệt hại do các cú sốc kinh tế liên tiếp trong những năm gần đây, đặc biệt là đối với các quốc gia dễ bị tổn thương nhất. Tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người ở các nền kinh tế đang phát triển đã suy yếu đáng kể trong quý đầu tiên của thế kỷ 21. Những rủi ro lớn bao gồm: bất ổn chính sách và sự gia tăng các rào cản thương mại; xung đột địa chính trị leo thang; lạm phát cao kéo dài; tác động ngày càng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu; tăng trưởng chậm lại ở các nền kinh tế lớn.

Mặt tích cực là nếu quá trình giảm lạm phát diễn ra nhanh hơn dự kiến và nhu cầu tại các nền kinh tế chủ chốt tăng mạnh, tăng trưởng toàn cầu có thể vượt kỳ vọng. Do đó, cần có các chính sách quyết đoán để ứng phó với những thách thức trên. Ở cấp độ toàn cầu, các nỗ lực chính sách cần tập trung vào việc bảo vệ thương mại, giảm thiểu rủi ro nợ công và ứng phó với biến đổi khí hậu. Ở cấp quốc gia, các nhà hoạch định chính sách cần bảo đảm ổn định giá cả, cải thiện nguồn thu ngân sách, tối ưu hóa chi tiêu để bảo đảm tài chính bền vững và đầu tư hiệu quả. Ngoài ra, để thúc đẩy tăng trưởng dài hạn, cần có các biện pháp hỗ trợ nhân lực, cải thiện tỷ lệ tham gia lao động, giải quyết tình trạng mất an ninh lương thực và giảm thiểu tác động của xung đột.

Dự báo của OECD

Theo OECD (OECD Economic Outlook, 12/2024), trong những năm qua, nền kinh tế toàn cầu đã thể hiện sức chống chịu đáng kể dù phải đối mặt với nhiều cú sốc lớn như đại dịch và khủng hoảng năng lượng. Năm nay, tăng trưởng kinh tế toàn cầu vẫn chậm, trong khi lạm phát tiếp tục giảm. Dù thị trường lao động có phần hạ nhiệt, tỷ lệ thất nghiệp ở nhiều quốc gia vẫn ở mức thấp kỷ lục. Thương mại toàn cầu cũng đang dần phục hồi.

OECD dự báo đà phục hồi này sẽ tiếp tục, với GDP toàn cầu tăng 3,3% vào năm 2025 và 2026, trong khi lạm phát sẽ tiến gần hơn đến mục tiêu của các ngân hàng trung ương. Tuy nhiên, bức tranh tăng trưởng này không đồng đều giữa các khu vực và quốc gia, đồng thời đối mặt với nhiều rủi ro và bất ổn. Chính sách tài khóa sẽ thắt chặt ở nhiều nước OECD, gây ra một số áp lực lên tăng trưởng. Ở các nền kinh tế mới nổi, tăng trưởng có thể giảm nhẹ nhưng châu Á vẫn là động lực chính.

Các yếu tố hỗ trợ tăng trưởng nền kinh tế toàn cầu bao gồm: lạm phát giảm; việc làm tăng ổn định; chính sách tiền tệ bớt thắt chặt. Tuy nhiên, việc siết chặt tài khóa tại nhiều quốc gia có thể tạo ra một số trở ngại. Sự khác biệt giữa các khu vực vẫn tồn tại trong ngắn hạn, nhưng sẽ thu hẹp khi kinh tế Hoa Kỳ và Brazil chững lại, còn châu Âu bắt đầu phục hồi. Tăng trưởng tại châu Á sẽ tiếp tục mạnh mẽ nhờ nhu cầu nội địa tăng ở Ấn Độ, Indonesia và các gói kích thích mới của Trung Quốc, Nhật Bản.

Dự báo của IMF

Trong báo cáo World Economic Outlook (1/2025), IMF dự báo kinh tế toàn cầu năm 2025-2026 tăng trưởng 3,3%, thấp hơn mức trung bình 3,7% giai đoạn 2000-2019. Dự báo không thay đổi nhiều so với tháng 10/2024, nhưng có sự điều chỉnh giữa các khu vực. Hoa Kỳ có triển vọng tốt nhất trong nhóm nền kinh tế phát triển, với mức tăng 2,7% vào năm 2025, nhờ tiêu dùng mạnh, thị trường lao động vững chắc và chính sách tiền tệ nới lỏng hơn. Tuy nhiên, tăng trưởng có thể giảm vào năm 2026. Ngược lại, khu vực đồng euro dự báo chỉ đạt 1,0% năm 2025 do sản xuất đình trệ và bất ổn chính trị, trước khi phục hồi lên 1,4% vào năm 2026 nhờ điều kiện tài chính cải thiện. Nhật Bản tăng trưởng yếu do gián đoạn nguồn cung, trong khi các nền kinh tế phát triển khác đối mặt với tác động tiêu cực từ bất ổn thương mại.

Tại các nền kinh tế mới nổi, tăng trưởng ít biến động so với năm 2024. Trung Quốc dự báo đạt 4,6% vào năm 2025 nhờ các gói kích thích, nhưng bất động sản vẫn là trở ngại lớn. Năm 2026, tăng trưởng có thể giảm xuống 4,5%. Ấn Độ duy trì mức tăng 6,5% trong cả hai năm, phản ánh tiềm năng mạnh mẽ. Mỹ Latinh và Caribe tăng trưởng 2,5%, dù các nền kinh tế lớn có dấu hiệu chậm lại. Châu Phi hạ Sahara được kỳ vọng tăng mạnh, trong khi châu Âu mới nổi có thể giảm tốc. Trung Đông và Trung Á chịu ảnh hưởng từ chính sách cắt giảm sản lượng của OPEC+, đặc biệt là tại Ả Rập Saudi.

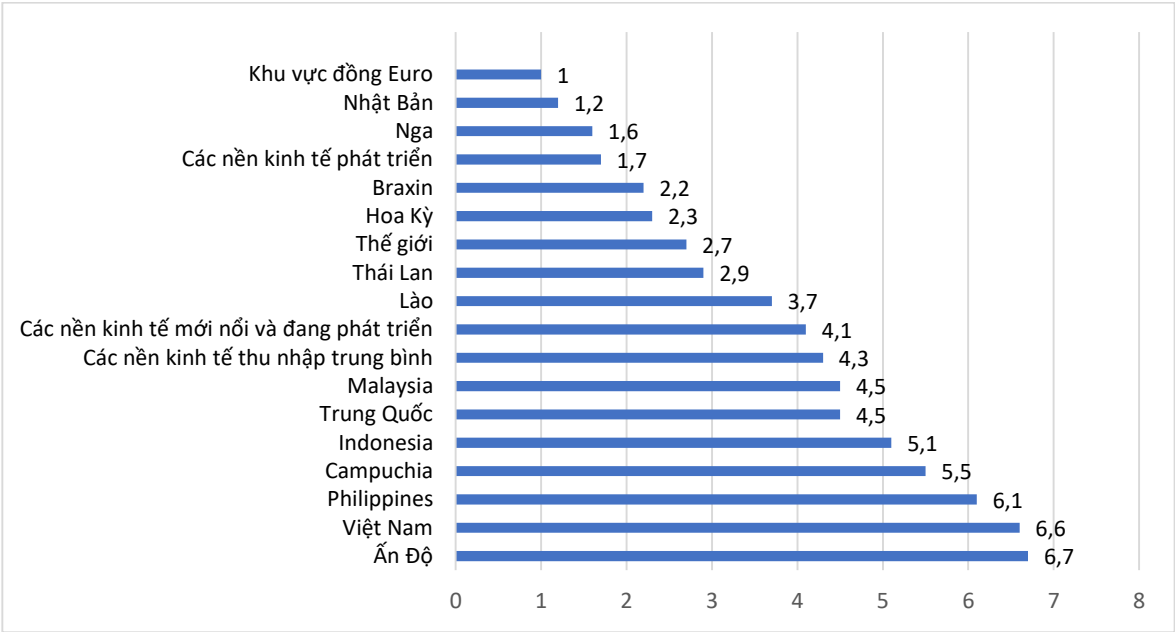
Lạm phát toàn cầu dự báo giảm xuống 4,2% năm 2025 và 3,5% năm 2026, với tốc độ giảm nhanh hơn tại các nước phát triển. Giá hàng hóa hạ nhiệt nhưng dịch vụ vẫn đắt đỏ, đặc biệt ở Hoa Kỳ và khu vực đồng euro. Một số quốc gia tại châu Âu và Mỹ Latinh đối mặt với lạm phát cao do yếu tố đặc thù, buộc ngân hàng trung ương điều chỉnh chính sách thận trọng hơn.

Bảng 2.1. Tổng hợp các dự báo về tăng trưởng GDP ở một số nước/khu vực và thế giới (tỷ lệ %)

	UN		WB			IMF		OECD		ADB	
	2024	2025	2024	2025	2026	2024	2025	2024	2025	2024	2025
Thế giới	2,8	2,8	2,7	2,7	2,7	3,2	3,3	3,2	3,3		
Hoa Kỳ	2,8	1,9	1,7	2,3	2,0	2,8	2,7	2,8	2,4	2,7	1,8
Nhật Bản	-0,2	1,0	0,0	1,2	0,9	-0,2	1,1	-0,3	1,5	-0,2	1,2
Hàn Quốc	2,0	2,2				2,2	2,0	2,3	2,1	2,2	2,0
Khu vực đồng Euro	0,7	1,1	0,7	1,0	1,2	0,8	1,0	0,8	1,3	0,8	1,3
OECD								1,7	1,9		
BRIC											
- Trung Quốc	5,9	4,8	4,9	4,5	4,0	4,8	4,6	4,9	4,7	4,8	4,5
- Ấn Độ	6,8	6,6	6,5	6,7	6,7	6,5	6,5	6,8	6,9	6,5	7,0
- Nga	3,8	1,5	3,4	1,6	1,1	3,8	1,4				
- Braxin	3,0	2,3	3,2	2,2	2,3	3,7	2,2	3,2	2,3		

ASEAN											
- Singapore	3,0	2,6				2,6	2,5			3,5	2,6
- Indonesia	5,0	5,2	5,0	5,1	5,1	5,0	5,1	5,1	5,2	5,0	5,0
- Malaysia	5,0	4,6	4,9	4,5	4,3	5,0	4,7	3,7	5,1	5,0	4,6
- Thái Lan	2,6	3,1	2,6	2,9	2,7	2,7	2,9	2,7	3,1	2,6	2,7
- Việt Nam	6,1	6,5	6,8	6,6	6,3	6,1	6,1	6,9	6,5	6,4	6,6
- Campuchia	5,8	6,0	5,3	5,5	5,5	5,5	5,8			5,8	6,0
- Lào	4,0	3,7	4,1	3,7	3,7	4,1	3,5			4,0	3,7
- Philippines	5,6	6,1	5,9	6,1	6,0	5,8	6,1			6,0	6,2
Mỹ Latinh và Caribe	1,9	2,5	2,2	2,5	2,6	2,1	2,5				
Các nền kinh tế phát triển			1,7	1,7	1,8	1,7	1,9				
Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển			4,1	4,1	4,0	4,2	4,2				
Các nền kinh tế thu nhập trung bình			4,3	4,3	4,1	4,2	4,2				

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của UN (World Economic Situation and Prospects, 1/2025), WB (Global Economic Prospects, 1/2025), IMF (World Economic Outlook, 1/2025), OECD (OECD Economic Outlook, 12/2024), ADB (Asian Development Outlook, 12/2024).

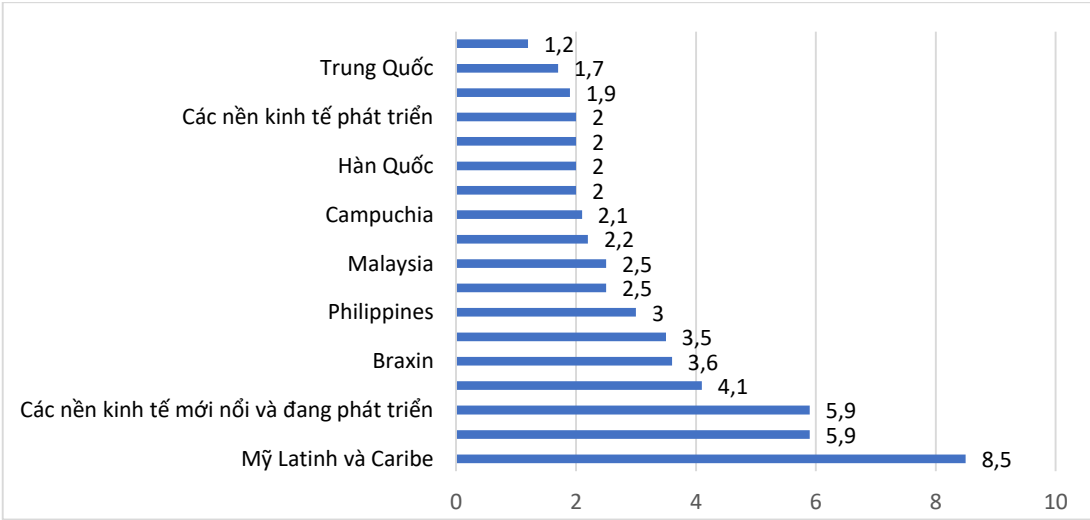


Hình 2.2. Dự báo của WB về tăng trưởng GDP ở một số nước/khu vực và thế giới (tỷ lệ %)

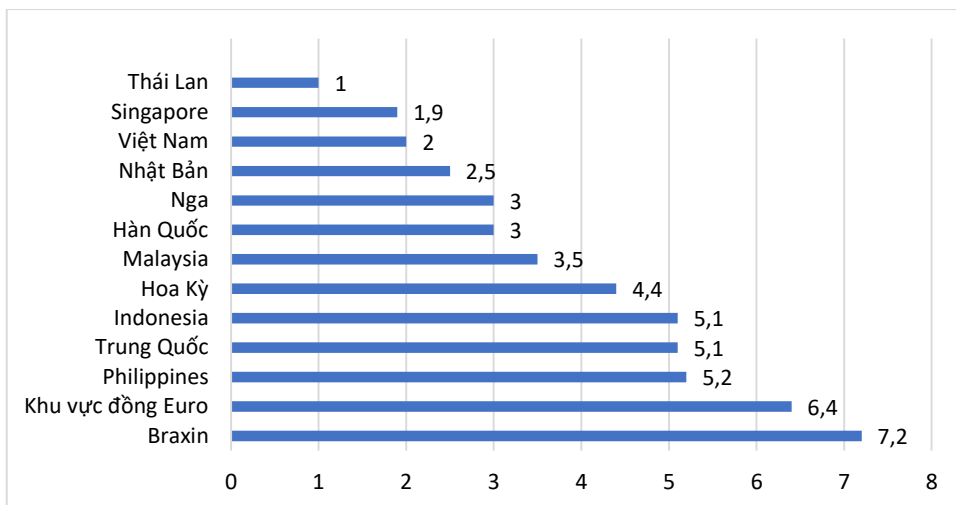
Bảng 2.2. Tổng hợp các dự báo về chỉ số lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng và tỷ lệ thất nghiệp ở một số nước/khu vực (tỷ lệ %)

	ADB			IMF				
	Chỉ số lạm phát 2023	Chỉ số lạm phát 2024	Chỉ số lạm phát 2025	Chỉ số giá tiêu dùng 2024	Chỉ số giá tiêu dùng 2025	Tỷ lệ thất nghiệp 2023	Tỷ lệ thất nghiệp 2024	Tỷ lệ thất nghiệp 2025
Hoa Kỳ	4,1	2,9	2,2	3,0	1,9	3,6	4,1	4,4
Nhật Bản	1,9	0,4	1,0	2,2	2,0	2,6	2,5	2,5
Hàn Quốc	3,6	2,3	2,0	2,5	2,0	2,7	2,9	3,0
Khu vực đồng Euro	0,5	0,8	1,4	2,4	2,0	6,6	6,5	6,4
BRIC								
- Trung Quốc	0,2	0,3	0,9	0,4	1,7	5,2	5,1	5,1
- Ấn Độ	5,4	4,7	4,3	4,4	4,1			
- Nga				7,9	5,9	3,2	2,6	3,0
- Braxin				4,3	3,6	8,0	7,2	7,2
ASEAN								
- Singapore	4,8	2,5	2,2	2,6	2,2	1,9	1,9	1,9
- Indonesia	3,7	2,4	2,8	2,5	2,5	5,3	5,2	5,1
- Malaysia	2,5	2,2	2,6	2,8	2,5	3,6	3,5	3,5
- Thái Lan	1,2	0,5	1,2	0,5	1,2	1,0	1,1	1,0
- Việt Nam	3,3	3,9	4,0	4,1	3,5	2,0	2,1	2,0
- Campuchia	2,1	0,5	2,5	0,7	2,1			
- Lào	31,2	25,0	21,5	22,0	23,7			
- Philippines	6,0	3,6	3,2	3,3	3,0	4,4	4,4	5,2
Mỹ Latinh và Caribe				16,8	8,5			
Các nền kinh tế phát triển				2,6	2,0			
Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển				7,9	5,9			

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của UN), WB, IMF, OECD và ADB.



Hình 2.3. Dự báo của IMF về chỉ số giá tiêu dùng năm 2025 ở một số nước/khu vực (tỷ lệ %)



Hình 2.4. Dự báo của IMF về tỷ lệ thất nghiệp năm 2025 ở một số nước/khu vực (tỷ lệ %)

2.2. Dự báo về tình kinh tế ở một số quốc gia và khu vực

Hoa Kỳ

Nhìn chung, các tổ chức quốc tế dự báo kinh tế Hoa Kỳ sẽ tăng trưởng từ 1,8% đến 2,8% năm 2025. Theo WB, nền kinh tế Hoa Kỳ có thể hạ cánh mềm, với dự báo tăng trưởng giảm còn 2,3% vào năm 2025 và 2% vào năm 2026. Tăng trưởng GDP sẽ chậm lại do giảm nhập cư, thị trường lao động bớt sôi động, và tiết kiệm từ đại dịch cạn kiệt. Đầu tư tư nhân dự kiến tăng trưởng vừa phải, trong khi chi tiêu công sẽ trở lại mức bình thường khi các chính quyền cạn kiệt hỗ trợ liên bang. Tỷ lệ thất nghiệp dự kiến tăng nhẹ nhưng vẫn thấp. Lạm phát dự báo giảm về mức mục tiêu vào đầu năm 2026, tuy nhiên, rủi ro từ lạm phát dịch vụ và căng thẳng quốc tế có thể làm giảm tăng trưởng. Ngược lại, tiến bộ AI và nới lỏng quy định có thể thúc đẩy tăng trưởng.

Theo OECD, GDP Hoa Kỳ dự kiến tăng 2,8% trong năm 2024, nhưng sẽ giảm xuống 2,4% vào năm 2025 và 2,1% vào năm 2026. Tiêu dùng cá nhân sẽ chậm lại do giảm nhập cư, nhu cầu lao động hạ nhiệt, và hộ gia đình không còn nhiều tiết kiệm. Tuy nhiên, mức tăng trưởng tiêu dùng sẽ duy trì ổn định. Đầu tư kinh doanh sẽ mở rộng mức vừa phải. Lạm phát kéo dài và căng thẳng thương mại có thể là rủi ro lớn. Theo UN, GDP Hoa Kỳ dự báo giảm xuống 1,9% vào năm 2025 và phục hồi nhẹ lên 2,1% vào năm 2026. ADB cũng dự báo kinh tế Hoa Kỳ chỉ tăng 1,8% năm 2025.

Thị trường lao động cũng có dấu hiệu chững lại khi số việc làm mới tạo ra trong tháng 2/2025 chỉ đạt 151.000, thấp hơn mức dự báo 170.000, trong khi tỷ lệ thất nghiệp tăng lên 4,1%. Giá nhà tiếp tục tăng do nhu cầu cao và nguồn cung hạn chế. Bên cạnh đó, lạm phát vẫn là mối lo ngại khi chỉ số giá tiêu dùng (CPI) được dự báo tăng 2,7% vào cuối năm, cao hơn mức 2,3% được dự báo trước đó, chủ yếu do tác động của các chính sách thuế quan mới.

Trong thương mại, Tổng thống Donald Trump dự kiến áp thuế cao đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc và các quốc gia khác, điều này có thể dẫn đến căng thẳng thương mại, gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Những yếu tố trên cho thấy nền kinh tế Hoa Kỳ năm 2025 sẽ gặp nhiều áp lực từ chính sách tiền tệ, thị trường lao động, lạm phát và quan hệ thương mại quốc tế.

Nhật Bản

Theo UN, Nhật Bản cũng được dự báo phục hồi, từ -0,2% năm 2024 lên 1,0% năm 2025. MF dự báo tăng trưởng GDP của Nhật Bản sẽ đạt 1,1% trong năm 2025. WB và ADB cho rằng tăng trưởng của Nhật Bản sẽ phục hồi từ 2025 với mức tăng trưởng 1,2%, nhờ đầu tư và tiêu dùng tăng lên khi lương tăng.

Tiêu dùng cá nhân dự báo sẽ tăng 1,3% trong năm 2025, nhờ vào việc kiểm soát lạm phát ở mức 2%. Lạm phát hạ nhiệt giúp giảm bớt áp lực lên ngân sách hộ gia đình, tuy nhiên, các vấn đề vẫn tồn tại khi mức lương thực tế có thể giảm, làm ảnh hưởng đến chi tiêu của người dân. Mặc dù tiền lương danh nghĩa dự kiến tăng khoảng 2,8%, mức tăng trưởng tiền lương thực tế lại có dấu hiệu chững lại. Thị trường lao động cũng không mấy sáng sủa, khi số lượng việc làm mới tạo ra thấp hơn so với các năm trước. Hơn nữa, sự tăng giá của các mặt hàng thiết yếu, đặc biệt là nhà ở, cũng sẽ tiếp tục tạo áp lực lên lạm phát cơ bản.

Chính phủ Nhật Bản đã triển khai các chính sách kích thích kinh tế nhằm duy trì sự tăng trưởng. Gói hỗ trợ kinh tế trị giá 39.000 tỷ yen được thông qua để thúc đẩy tiêu dùng và đầu tư, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp ngoài khu vực dân cư. Ngoài ra, Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) cũng đã điều chỉnh lãi suất và có thể sẽ tiếp tục làm như vậy để giữ cho nền kinh tế ổn định. Tuy nhiên, nền kinh tế Nhật Bản cũng đối mặt với những rủi ro từ bên ngoài, đặc biệt là sự leo thang của các chính sách thuế quan từ Hoa Kỳ đối với ô tô nhập khẩu từ Nhật Bản. Điều này có thể tác động tiêu cực đến ngành công nghiệp ô tô, giảm sút GDP và gây ảnh hưởng đến xuất khẩu.

Trung Quốc

Năm 2025, kinh tế Trung Quốc đối mặt với nhiều thách thức và cơ hội. Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP khoảng 5%, trong bối cảnh căng thẳng thương mại với Hoa Kỳ và nhu cầu nội địa yếu.

Các tổ chức quốc tế dự báo kinh tế Trung Quốc tăng trưởng từ 4,5% đến 4,8% năm 2025, thấp hơn so với mức năm 2024. WB và ADB dự báo tăng trưởng GDP của Trung Quốc sẽ đạt 4,5% trong năm 2025, thấp hơn mục tiêu chính phủ đề ra. CPI giảm 0,7% trong tháng 2/2025, mức giảm mạnh nhất trong 13 tháng, phản ánh nhu cầu tiêu dùng yếu. Chính phủ tăng chi tiêu công, bao gồm việc phát hành 300 tỷ nhân dân tệ trái phiếu đặc biệt để hỗ trợ chương trình đổi cũ lấy mới, khuyến khích tiêu

dùng. Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc nới lỏng chính sách tiền tệ sau 14 năm, giảm lãi suất cơ bản và lãi suất thế chấp mua nhà để kích thích tiêu dùng và đầu tư.

Thách thức từ thương mại quốc tế: Hoa Kỳ áp thuế 20% đối với hàng hóa Trung Quốc, gây áp lực lên xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế. Các nhà phân tích dự báo, nếu Hoa Kỳ tăng thuế quan đối với hàng Trung Quốc lên 60%, tăng trưởng GDP của Trung Quốc có thể giảm xuống còn 3,9% trong năm 2025.

Triển vọng thị trường bất động sản: thị trường bất động sản tiếp tục suy yếu, ảnh hưởng đến tài sản hộ gia đình và nhu cầu tiêu dùng. Chính phủ tập trung ổn định thị trường này bằng cách kiểm soát nguồn cung đất và thúc đẩy cải tạo nhà ở cũ.

Nhìn chung, kinh tế Trung Quốc năm 2025 dự báo tăng trưởng chậm lại do ảnh hưởng của chính sách thuế quan và nhu cầu nội địa yếu. Để hỗ trợ nền kinh tế, Chính phủ Trung Quốc đã cắt giảm lãi suất, giảm yêu cầu trả trước mua nhà, phát hành trái phiếu chính phủ dài hạn và tăng hạn mức nợ địa phương. Tuy nhiên, tính hiệu quả của các biện pháp này vẫn chưa rõ ràng, và căng thẳng thương mại gia tăng có thể tác động tiêu cực đến tăng trưởng.

Châu Âu

Năm 2025, kinh tế khu vực đồng Euro được dự báo tăng trưởng từ 1% đến 1,3%, cao hơn năm 2024 nhưng vẫn thấp hơn giai đoạn trước đại dịch. OECD và ADB dự báo tăng trưởng 1,3% năm 2025 và 1,5% năm 2026, cho thấy sự phục hồi chậm nhưng ổn định. Tuy nhiên, kinh tế Đức chỉ tăng 0,7% do tiêu dùng nội địa yếu, chi phí năng lượng cao và chính sách tiền tệ thắt chặt. Xuất khẩu mất lợi thế cạnh tranh, trong khi lĩnh vực dịch vụ như du lịch tiếp tục tăng trưởng ổn định.

ECB dự kiến cắt giảm lãi suất để hỗ trợ tiêu dùng và đầu tư. Việc này giúp giảm chi phí vay nhưng có thể làm lạm phát tăng trở lại. Đồng euro có thể mạnh lên so với USD do Fed giảm lãi suất, gây áp lực lên xuất khẩu khu vực, đặc biệt là Đức và Pháp.

IMF dự báo thất nghiệp giảm nhẹ từ 6,5% năm 2024 xuống 6,4% năm 2025, nhưng tăng trưởng việc làm chỉ đạt 0,4% do doanh nghiệp thận trọng mở rộng sản xuất. Tuy nhiên, nhu cầu lao động tăng trong các lĩnh vực công nghệ xanh và năng lượng tái tạo.

Lạm phát giảm dần về mục tiêu 2% của ECB nhờ giá năng lượng thấp hơn. Tuy nhiên, giá cả vẫn có thể biến động do chi phí sản xuất cao và căng thẳng địa chính trị. Xuất khẩu đối mặt với thách thức từ chính sách bảo hộ của Hoa Kỳ, đặc biệt nếu áp thuế nhập khẩu cao.

Nhìn chung, năm 2025 sẽ là năm chuyển đổi với nhiều cơ hội và thách thức đối với khu vực đồng Euro. Chính sách tiền tệ linh hoạt hơn có thể hỗ trợ tăng trưởng, nhưng những rủi ro từ thương mại toàn cầu, chính sách tài khóa và bất ổn địa chính trị vẫn sẽ là những yếu tố cần theo dõi sát sao.

Khu vực Mỹ Latinh và Caribê (LAC)

Tăng trưởng LAC dự kiến đạt 2,5% năm 2025 và 2,6% năm 2026, chủ yếu nhờ Argentina phục hồi sau hai năm suy thoái. Tuy nhiên, tăng trưởng tại Brazil và Mexico sẽ chậm lại do tiêu dùng và đầu tư yếu.

Lạm phát dự kiến vẫn cao hơn mục tiêu của ngân hàng trung ương, hạn chế khả năng cắt giảm lãi suất để kích thích kinh tế. Chính sách tài khóa có thể thắt chặt do nợ cao và lãi suất toàn cầu duy trì ở mức cao.

Brazil tăng trưởng giảm xuống 2,2% trong giai đoạn 2025-2026, với tiêu dùng và thị trường lao động là động lực chính. Chính sách tiền tệ và tài khóa hạn chế ảnh hưởng đến tăng trưởng. Mexico dự kiến đạt tăng trưởng trung bình 1,5% do chính sách tài khóa thắt chặt và lãi suất cao. Tăng trưởng Argentina được dự báo mạnh mẽ với 5% năm 2025 và 4,7% năm 2026 nhờ các cải cách kinh tế và đầu tư vào nông nghiệp, năng lượng, khai khoáng.

Ở Caribê, tăng trưởng mạnh với 4,9% năm 2025 và 5,7% năm 2026, chủ yếu nhờ ngành dầu mỏ của Guyana và các cải cách thu hút đầu tư tại Cộng hòa Dominica. Jamaica phục hồi sau bão, nhưng Haiti vẫn bất ổn. Tăng trưởng Trung Mỹ đạt 3,5% nhờ tiêu dùng tăng. Costa Rica và Panama duy trì mức tăng trưởng ổn định, trong khi các nước như Guatemala và Honduras kiểm soát lạm phát tốt hơn nhờ chính sách tiền tệ chặt chẽ.

Tiềm năng tăng trưởng dài hạn của LAC có xu hướng giảm do năng suất lao động thấp, tác động kéo dài của đại dịch, tình trạng bạo lực và thiếu cạnh tranh. Tăng trưởng LAC đối mặt với nhiều rủi ro giảm, bao gồm hạn chế thương mại, suy giảm dòng kiều hối, bất ổn tài khóa, lạm phát cao và biến đổi khí hậu.

Khu vực Trung Đông và Bắc Phi (MNA)

Khu vực Trung Đông và Bắc Phi (MNA) dự kiến tăng trưởng 3,4% năm 2025 và 4,1% năm 2026 nhờ sản lượng dầu mở rộng. Các nước GCC được hưởng lợi từ ngành dịch vụ phát triển và xuất khẩu dầu tăng, đạt 3,3% năm 2025 và 4,6% năm 2026. Tuy nhiên, Iran tăng trưởng chậm lại còn 2,7% do nhu cầu dầu từ Trung Quốc giảm. Iraq, Algeria, Libya có mức tăng trưởng thấp do hạn chế sản lượng dầu, dù Libya có thể đạt 9% nếu sản xuất phục hồi. Đối với các nước nhập khẩu dầu, Ai Cập hưởng lợi từ tiêu dùng tư nhân, kiều hối và đầu tư hạ tầng, giúp tăng trưởng đạt 3,5% năm 2025 và 4,2% năm 2026. Jordan tăng nhẹ lên 2,6% nhờ kiểm soát lạm phát, Tunisia đạt 2,2% nhờ tài chính cải thiện, còn Morocco có thể đạt 3,9% năm 2025 trước khi giảm xuống 3,4% năm 2026 nếu nông nghiệp hồi phục. Djibouti tăng trưởng giảm còn 5,1% do hoạt động cảng biển ổn định.

Rủi ro lớn nhất vẫn là xung đột kéo dài tại Lebanon, Syria, Yemen, West Bank và Gaza, khiến tăng trưởng tại các nước này không ổn định. Yemen chỉ đạt 1,5% do tình hình chính trị phức tạp. Về tài khóa, GCC tiếp tục duy trì chính sách chi tiêu hỗ

trợ, trong khi Iraq tăng chi có thể gây áp lực ngân sách. Chính sách tiền tệ cũng có sự phân hóa: GCC nói lỏng theo chính sách của Hoa Kỳ để hỗ trợ tăng trưởng, trong khi các nước nhập khẩu dầu có thể cắt giảm lãi suất khi lạm phát giảm. Thu nhập bình quân tăng 2% năm 2025 và 2,7% năm 2026 nhưng nghèo đói vẫn cao do lạm phát thực phẩm kéo dài, gây ảnh hưởng đến an ninh lương thực. Dù triển vọng kinh tế tích cực nhờ sản xuất dầu mở rộng và chính sách tiền tệ linh hoạt, khu vực vẫn đối mặt với thách thức lớn từ bất ổn địa chính trị và áp lực lạm phát.

Khu vực Nam Á (SAR)

Khu vực Nam Á dự kiến tăng trưởng 6,2% trong giai đoạn 2025-2026, chủ yếu nhờ Ấn Độ, nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 2000-2019. Nếu loại trừ Ấn Độ, tăng trưởng đạt 4% năm 2025 và 4,3% năm 2026. Ấn Độ tiếp tục là nền kinh tế lớn tăng trưởng nhanh nhất thế giới với 6,7% trong hai năm tới, nhờ dịch vụ mở rộng, sản xuất phục hồi và cải thiện cơ sở hạ tầng. Tiêu dùng tư nhân được hỗ trợ bởi thị trường lao động mạnh, tín dụng mở rộng và lạm phát giảm, trong khi đầu tư tư nhân tăng nhờ điều kiện tài chính thuận lợi. Bangladesh tăng trưởng giảm còn 4,1% năm 2025 do bất ổn chính trị, nhưng có thể đạt 5,4% năm 2026 nếu tình hình ổn định. Pakistan dự báo tăng 2,8% năm 2025 và 3,2% năm 2026 nhờ lạm phát giảm và niềm tin kinh doanh cải thiện. Sri Lanka tăng trưởng 3,5% năm 2025 nhưng giảm còn 3,1% năm 2026 do chính sách tài khóa thắt chặt. Nepal dự báo đạt 5,1% năm 2025 và 5,5% năm 2026 nhờ đầu tư tư nhân và xuất khẩu thủy điện. Bhutan tăng trưởng 7,2% năm 2025 nhưng giảm còn 6,6% năm 2026 do du lịch chững lại, trong khi Afghanistan tăng trưởng khiêm tốn do thất nghiệp cao và thu nhập không thay đổi.

Chính sách tài khóa thắt chặt vẫn được duy trì tại Ấn Độ, Pakistan, Sri Lanka, Maldives và Nepal, với nợ công giảm dần nhưng chi phí vay vẫn cao. Lạm phát tiếp tục giảm nhờ tỷ giá ổn định, đặc biệt tại Ấn Độ, Nepal và Sri Lanka, nhưng Bangladesh vẫn đối mặt với lạm phát cao. Thu nhập bình quân đầu người tại Nam Á dự kiến tăng 5,2% mỗi năm trong 2025-2026, giúp giảm nghèo đói. Tuy nhiên, Bangladesh, Pakistan và Sri Lanka có mức tăng trưởng thu nhập bình quân thấp hơn thập kỷ trước đại dịch. Khu vực đối mặt nhiều rủi ro, gồm bất ổn chính sách, xung đột toàn cầu, biến đổi khí hậu và bảo hộ thương mại từ Hoa Kỳ, EU. Nợ công lớn làm suy yếu tài chính, đặc biệt tại Maldives, Pakistan, Sri Lanka. Biến đổi khí hậu đe dọa kinh tế, với Maldives có thể mất 11% GDP vào giữa thế kỷ. Tuy nhiên, tăng trưởng mạnh từ Hoa Kỳ và Trung Quốc có thể mang lại lợi ích thương mại.

Khu vực Đông Nam Á

Theo UN, tăng trưởng kinh tế của các quốc gia trong Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) vẫn duy trì ổn định trong năm 2024, được hỗ trợ bởi tiêu dùng nội địa mạnh mẽ, đầu tư và cải thiện trong xuất khẩu ròng. Đáng chú ý, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào các nước ASEAN vẫn duy trì ổn định trong bối cảnh căng thẳng thương mại giữa Trung Quốc và các nền kinh tế phát triển lớn.

Tại Thái Lan, chỉ tiêu của chính phủ và du lịch tiếp tục là động lực thúc đẩy tăng trưởng. Tuy nhiên, nợ hộ gia đình ở mức cao - gần 90% GDP tính đến tháng 6 năm 2024 - có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tiêu dùng cá nhân. Một số quốc gia trong khu vực đang đối mặt với những khó khăn làm suy giảm tiến trình kinh tế. Lào chịu áp lực nợ cao, hạn chế triển vọng tăng trưởng, trong khi Myanmar vẫn đối mặt với xung đột kéo dài, gây ra thách thức lớn đối với sự ổn định kinh tế vĩ mô.

Theo ADB, triển vọng tăng trưởng của Đông Nam Á năm 2024 được nâng lên 4.7% từ 4.5%, nhờ xuất khẩu sản xuất tăng mạnh và chi tiêu công gia tăng ở các nền kinh tế lớn. Khu vực sản xuất và thương mại hưởng lợi từ sự phục hồi của ngành điện tử toàn cầu và sự thay đổi trong chuỗi cung ứng, đặc biệt là với các nhà xuất khẩu công nghệ cao, nhờ doanh số bán chất bán dẫn tăng. Malaysia, Thái Lan, Singapore và Việt Nam ghi nhận tăng trưởng tích cực nhờ nhu cầu nội địa mạnh, lạm phát giảm và đầu tư công bền vững. Việt Nam có mức tăng đầu tư nước ngoài cao, trong khi Indonesia và Philippines vẫn duy trì mức tăng trưởng như dự báo trước đó.

Tại Indonesia, dự báo tăng trưởng vẫn giữ nguyên ở mức 5,0% cho cả năm 2024 và 2025, nhờ tiêu dùng tư nhân mạnh, đầu tư hạ tầng công, và dòng vốn đầu tư dân cải thiện. Tăng trưởng kinh tế quý 3 đạt 5,0%, phù hợp với dự báo trước đó. Chỉ tiêu tiêu dùng tiếp tục ổn định, trong khi đầu tư công vào cơ sở hạ tầng tăng, đặc biệt là tại thủ đô mới và hệ thống đường cao tốc. Xuất khẩu ròng đóng góp nhẹ vào tăng trưởng do nhập khẩu tăng nhanh trong quý 3, phản ánh sự gia tăng của các hoạt động kinh tế nội địa.

Malaysia có mức tăng trưởng tốt hơn dự kiến, khiến dự báo tăng trưởng năm 2024 được nâng lên 5,0% từ 4.5%, trong khi năm 2025 giữ nguyên ở 4,6%. Xuất khẩu, đầu tư cố định và chi tiêu công gia tăng trong quý 3 đã thúc đẩy tăng trưởng. Xuất khẩu hàng hóa tăng 5,2% từ tháng 1 đến tháng 9/2024, so với mức suy giảm 8,4% cùng kỳ năm 2023, chủ yếu nhờ nhu cầu mạnh từ Hoa Kỳ, Đài Loan, ASEAN và Ấn Độ. Sự bùng nổ trong xuất khẩu đã thúc đẩy lĩnh vực sản xuất, trong khi ngành xây dựng tăng trưởng gần 20% trong quý 3/2024, được hỗ trợ bởi các dự án hạ tầng công lớn như tuyến đường Sarawak-Sabah và cao tốc Pan Borneo.

Philippines dự kiến tăng trưởng 5.8% trong năm 2024 và 2025. Tiêu dùng hộ gia đình và đầu tư tiếp tục là động lực chính, trong khi dịch vụ, xây dựng và sản xuất duy trì mức tăng trưởng vững chắc. Ngành dịch vụ vẫn là động lực tăng trưởng chủ đạo, với thương mại bán lẻ, du lịch và ngành gia công quy trình kinh doanh (BPO) đóng vai trò quan trọng. Chỉ số PMI sản xuất đạt 53,8 vào tháng 11/2024, mức cao nhất trong hơn hai năm, phản ánh sự gia tăng mạnh trong sản xuất và việc làm.

Singapore có mức điều chỉnh tăng dự báo GDP năm 2024 từ 2,6% lên 3,5%, trong khi năm 2025 vẫn giữ nguyên ở 2,6%. Tăng trưởng vượt kỳ vọng trong ngành sản xuất là động lực chính, đặc biệt là sản xuất điện tử. Ngành sản xuất tăng 11,0% trong

quý 3/2024 so với cùng kỳ năm trước đó, đảo ngược mức suy giảm 1,1% trong quý 2/2024. Chỉ số PMI sản xuất duy trì trên ngưỡng mở rộng ở mức 50,8 vào tháng 10/2024, nhờ sản lượng, đơn hàng mới và đơn hàng xuất khẩu tăng.

Thái Lan cũng được nâng dự báo tăng trưởng từ 2,3% lên 2,6% cho năm 2024, trong khi năm 2025 duy trì ở mức 2,7%. Nền kinh tế có sự tăng tốc trong chín tháng đầu năm, nhờ chi tiêu công mạnh, du lịch phát triển, ngành sản xuất mở rộng và xuất khẩu vàng gia tăng. Tiêu dùng chính phủ tăng 6,3%, trong khi đầu tư công tăng mạnh 25,9% trong quý 3/2024, chủ yếu do giải ngân ngân sách tài khóa 2024 bị trì hoãn đến nửa cuối năm. Xuất khẩu hàng hóa tăng 8,3%, dẫn đầu bởi gạo và các sản phẩm sản xuất như linh kiện điện tử, ô tô, máy điều hòa và máy móc.

Dự báo năm 2025 cho thấy xu hướng lạm phát và chỉ số giá tiêu dùng (CPI) thay đổi theo hướng khác nhau ở từng quốc gia Đông Nam Á. Singapore duy trì sự ổn định với lạm phát giảm nhẹ từ 2,5% năm 2024 xuống 2,2% năm 2025 và CPI cũng giảm tương ứng, cho thấy nền kinh tế kiểm soát tốt chi phí sinh hoạt. Indonesia có lạm phát tăng từ 2,4% lên 2,8%, phản ánh nhu cầu nội địa tăng và có thể chịu ảnh hưởng từ giá nguyên liệu đầu vào. Malaysia được dự báo có lạm phát tăng từ 2,2% năm 2024 lên 2,6% năm 2025, trong khi CPI giảm từ 2,8% xuống 2,5%, cho thấy chính sách kiểm soát giá cả đạt hiệu quả. Thái Lan có mức lạm phát tăng từ 0,5% lên 1,2%, phản ánh sự phục hồi kinh tế sau giai đoạn giảm phát nhẹ. Campuchia có mức lạm phát tăng mạnh từ 0,5% lên 2,5% năm 2025, cùng với CPI tăng từ 0,7% lên 2,1% năm 2025, cho thấy áp lực lạm phát có dấu hiệu gia tăng. Lào tiếp tục đối mặt với lạm phát cao dù đã giảm từ 25,0% năm 2024 xuống 21,5% năm 2025, nhưng CPI vẫn tăng từ 22,0% lên 23,7% trong thời gian này, cho thấy nền kinh tế nước này chưa thể kiểm soát hoàn toàn sự mất giá của đồng tiền. Philippines có xu hướng tích cực khi lạm phát được dự báo giảm từ 3,6% xuống 3,2%, CPI cũng giảm từ 3,3% xuống 3,0%, phản ánh chính sách tiền tệ có tác động tích cực.

Về tỷ lệ thất nghiệp, hầu hết các nước duy trì mức ổn định hoặc giảm nhẹ, ngoại trừ Philippines có sự gia tăng đáng chú ý. Singapore tiếp tục giữ tỷ lệ thất nghiệp ở mức 1,9%, phản ánh một thị trường lao động ổn định. Indonesia có sự cải thiện khi tỷ lệ thất nghiệp được dự báo giảm từ 5,2% xuống 5,1%, cho thấy có sự gia tăng cơ hội việc làm. Malaysia không có thay đổi khi tỷ lệ thất nghiệp giữ nguyên ở mức dự báo 3,5%, phản ánh nền kinh tế ít biến động trong lĩnh vực lao động. Thái Lan có thể duy trì mức thất nghiệp rất thấp ở 1,0%, cho thấy thị trường lao động ổn định và không có biến động lớn. Philippines lại có xu hướng ngược lại khi tỷ lệ thất nghiệp dự báo tăng từ 4,4% lên 5,2%, có thể do các yếu tố kinh tế vĩ mô ảnh hưởng đến thị trường lao động.

Nhìn chung, năm 2025, tăng trưởng của Đông Nam Á được điều chỉnh tăng, với các nền kinh tế như Việt Nam, Malaysia và Thái Lan ghi nhận sự cải thiện mạnh. Lạm phát trong khu vực giảm, giúp nới lỏng chính sách tiền tệ và hỗ trợ tăng trưởng.

Tuy nhiên, rủi ro từ căng thẳng địa chính trị, thương mại toàn cầu và thời tiết cực đoan vẫn hiện hữu.

2.3. Dự báo của các tổ chức quốc tế về kinh tế Việt Nam

UN, WB và ADB dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2025 đạt từ 6,5% đến 6,6%, mức tăng trưởng cao nhất trong khu vực ASEAN. WB dự báo so với các quốc gia khác trong khu vực, tăng trưởng GDP của Việt Nam sẽ vượt qua mức tăng của Philippines (6,1%), Campuchia (5,5%), Indonesia (5,1%), Malaysia (4,5%) và Thái Lan (2,9%). Ở khu vực châu Á, WB dự báo có 2 nền kinh tế đạt mức tăng trưởng cao hơn Việt Nam trong năm 2025, đó là Bhutan được (7,2%) và Ấn Độ (6,7%%).

WB nhận định Việt Nam xếp trong nhóm hàng đầu các nền kinh tế mới nổi về việc đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam được hỗ trợ bởi xuất khẩu hàng hóa mạnh mẽ và sự phục hồi của ngành du lịch. Lạm phát duy trì ở mức thấp hoặc trong ngưỡng mục tiêu của Ngân hàng Trung ương. WB dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2025 đạt 6,6%, cao hơn 0,1 điểm % so với dự báo tháng 10/2024.

Về rủi ro và thách thức, theo WB, Việt Nam có nguy cơ chịu tác động từ các thảm họa thiên nhiên do biến đổi khí hậu. Mặc dù có triển vọng kinh tế tích cực, nhưng các thách thức về đầu tư công, nợ công và môi trường thương mại toàn cầu vẫn tồn tại. Xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam. Suy giảm tăng trưởng ở Trung Quốc có thể ảnh hưởng đến nhu cầu nhập khẩu từ Việt Nam. Điều này đặc biệt ảnh hưởng đến các ngành xuất khẩu như điện tử và dệt may. Lạm phát và chính sách tiền tệ: Việt Nam duy trì lạm phát ở mức thấp, nhưng vẫn chịu áp lực từ xu hướng lãi suất toàn cầu. Chính sách tài khóa chặt chẽ có thể làm hạn chế tăng trưởng. Thách thức về đầu tư công: việc triển khai các dự án đầu tư công còn chậm, ảnh hưởng đến cơ sở hạ tầng và tăng trưởng dài hạn; nợ công cũng là một vấn đề cần kiểm soát. Bất ổn địa chính trị: các cuộc xung đột trên thế giới, đặc biệt là ở Trung Đông, có thể ảnh hưởng đến giá dầu và năng lượng nhập khẩu của Việt Nam. Điều này có thể làm gia tăng chi phí sản xuất trong nước.

ADB đã nâng ước tính tăng trưởng của Việt Nam năm 2024, được điều chỉnh tăng lên 6,4% từ mức 6,0%; năm 2025 lên 6,6% từ 6,2%. Dự báo của ADB dựa trên hiệu suất xuất khẩu mạnh mẽ của Việt Nam, bao gồm cả ngành sản xuất, hiệu suất đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vững chắc, được hỗ trợ bởi xu hướng điều chỉnh tiền tệ toàn cầu và giá hàng hóa toàn cầu ở mức vừa phải (bao gồm giá dầu thô). Hiệu suất thương mại mạnh mẽ, sự phục hồi của ngành sản xuất xuất khẩu và các biện pháp kích thích tài khóa liên tục đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 6,8% trong ba quý đầu năm 2024. Sự phục hồi mạnh mẽ của ngành sản xuất và thương mại theo hướng xuất khẩu, được hỗ trợ bởi nền kinh tế Hoa Kỳ ổn định, dự kiến sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng GDP. Đầu tư công được đẩy nhanh cùng với các chính sách tài khóa và tiền tệ nới lỏng dự kiến sẽ kích thích thêm nhu cầu trong nước. Mặc dù bão

Yagi gây thiệt hại nghiêm trọng ở nhiều khu vực, phản ứng nhanh chóng của chính phủ và các nỗ lực khắc phục hậu quả đã hạn chế tác động tiêu cực đến tăng trưởng. Việt Nam vẫn là điểm sáng nhất trong ASEAN về tăng trưởng kinh tế trong những năm tới.

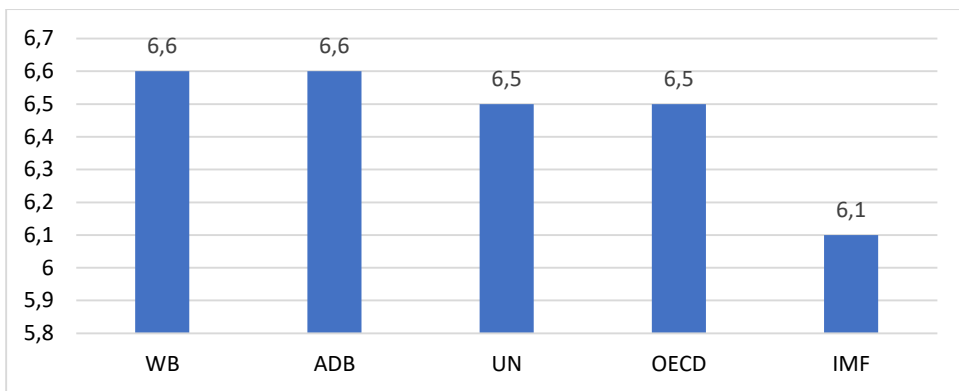
Theo dự báo của ADB, Việt Nam có lạm phát tăng nhẹ từ 3,9% năm 2024 lên 4,0% năm 2025, nhưng Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) được IMF dự báo giảm từ 4,1% xuống 3,5% tương ứng, nhờ chính sách tiền tệ linh hoạt và giá dầu thế giới hạ nhiệt, các biện pháp kiểm soát giá cả nhằm duy trì ổn định thị trường. Theo IMF, Việt Nam có tín hiệu tích cực khi tỷ lệ thất nghiệp được dự báo giảm từ 2,1% năm 2024 xuống 2,0% năm 2025, thể hiện sự tăng trưởng ổn định trong việc tạo việc làm.

Kinh tế thế giới đang dần ổn định khi thương mại hàng hóa toàn cầu được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nới lỏng, thị trường lao động phục hồi tích cực. Những yếu tố này sẽ tạo điều kiện tích cực cho tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2025, từ đó sẽ tác động tích cực đến nền kinh tế các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Cùng với đó, kinh tế thế giới hiện nay đang có sự chuyển đổi đan xen giữa tự do hoá và bảo hộ, giữa đa phương và song phương, nhất là trong bối cảnh địa chính trị có những diễn biến khó lường. Đổi mới sáng tạo, tăng cường áp dụng khoa học – công nghệ và bảo vệ môi trường đang trở thành xu hướng tất yếu đối với sự phát triển toàn cầu. Trước bối cảnh này, các quốc gia, trong đó có Việt Nam luôn chú trọng điều chỉnh chiến lược và chính sách nhằm tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao vị thế xuất khẩu, khai thác tốt lợi thế thương mại và các dòng vốn đầu tư nước ngoài cho phát triển kinh tế.

Bảng 2.3. Dự báo về tỷ lệ % tăng trưởng GDP của Việt Nam so với một số nước ASEAN

Nước	WB		UN		OECD		ADB		IMF	
	Tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2024	Tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2025	Tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2024	Tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2025	Tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2024	Tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2025	Tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2024	Tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2025	Tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2024	Tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2025
Singapore			3,0	2,6	2,6		3,5	2,6	2,6	2,5
Indonesia	5,0	5,1	5,0	5,2	5,0	5,2	5,0	5,0	5,0	5,1
Malaysia	4,9	4,5	5,0	4,6	5,0	5,1	5,0	4,6	5,0	4,7
Thái Lan	2,6	2,9	2,6	3,1	2,7	3,1	2,6	2,7	2,7	2,9
Việt Nam	6,8	6,6	6,1	6,5	6,1	6,5	6,4	6,6	6,1	6,1
Campuchia	5,3	5,5	5,8	6,0			5,8	6,0	5,5	5,8
Lào	4,1	3,7	4,0	3,7			4,0	3,7	4,1	3,5
Philippines	5,9	6,1	5,6	6,1			6,0	6,2	5,8	6,1

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của UN, WB, OECD và ADB .

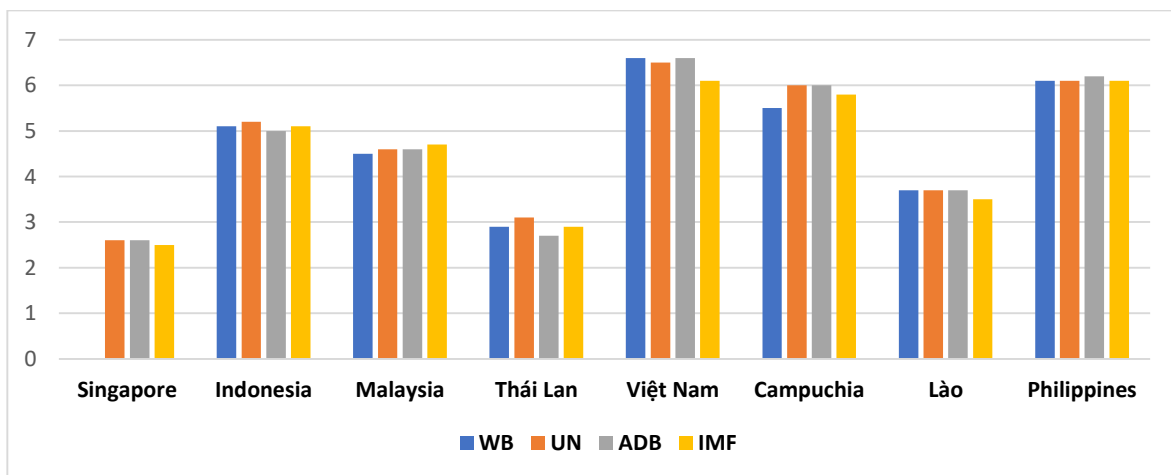


Hình 2.5. Dự báo của các tổ chức quốc tế về tỷ lệ % tăng trưởng GDP năm 2025 của Việt Nam

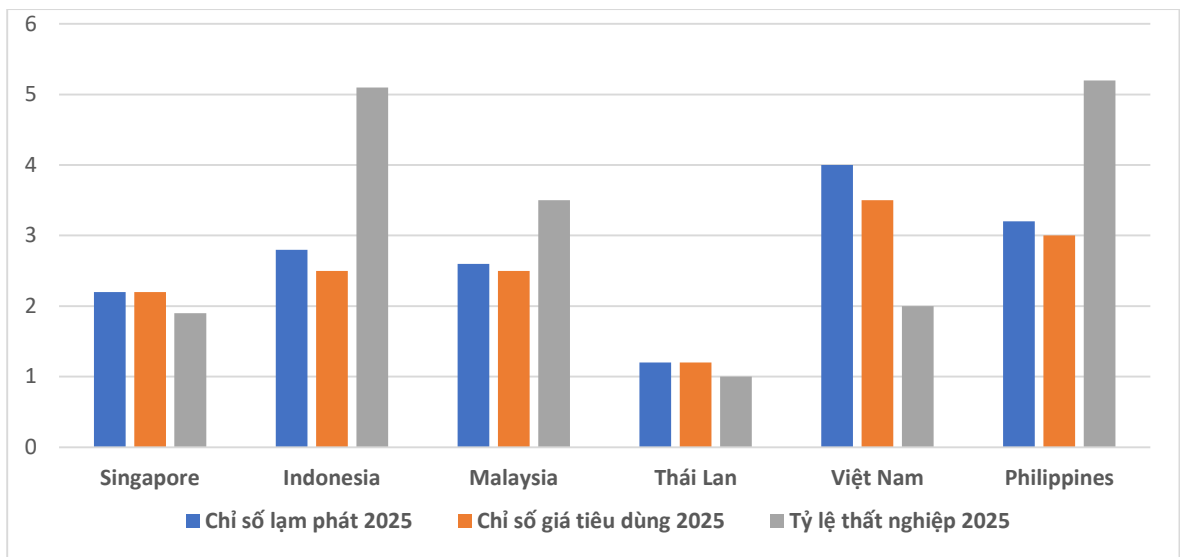
Bảng 2.4. Tổng hợp các dự báo về chỉ số lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng và tỷ lệ thất nghiệp của Việt Nam so với một số nước ASEAN (tỷ lệ %)

Nước	ADB			IMF				
	Chỉ số lạm phát 2023	Chỉ số lạm phát 2024	Chỉ số lạm phát 2025	Chỉ số giá tiêu dùng 2024	Chỉ số giá tiêu dùng 2025	Tỷ lệ thất nghiệp 2023	Tỷ lệ thất nghiệp 2024	Tỷ lệ thất nghiệp 2025
Singapore	4,8	2,5	2,2	2,6	2,2	1,9	1,9	1,9
Indonesia	3,7	2,4	2,8	2,5	2,5	5,3	5,2	5,1
Malaysia	2,5	2,2	2,6	2,8	2,5	3,6	3,5	3,5
Thái Lan	1,2	0,5	1,2	0,5	1,2	1,0	1,1	1,0
Việt Nam	3,3	3,9	4,0	4,1	3,5	2,0	2,1	2,0
Campuchia	2,1	0,5	2,5	0,7	2,1			
Lào	31,2	25,0	21,5	22,0	23,7			
Philippines	6,0	3,6	3,2	3,3	3,0	4,4	4,4	5,2

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của UN, WB, OECD và ADB .



Hình 2.2. Dự báo về tỷ lệ % tăng trưởng GDP của Việt Nam so với một số nước ASEAN



Hình 2.3. Dự báo về chỉ số lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng và tỷ lệ thất nghiệp của Việt Nam so với một số nước ASEAN (tỷ lệ %)

2.4. Những rủi ro đối với tăng trưởng kinh tế thế giới

Bất ổn chính sách gia tăng và thay đổi chính sách thương mại bất ngờ

Bất ổn chính sách toàn cầu: Trong năm qua, các cuộc bầu cử ở các nền kinh tế chiếm gần 60% GDP toàn cầu đã đi kèm với mức độ bất ổn chính sách kinh tế rất cao và rủi ro thay đổi chính sách đáng kể trong giai đoạn sau bầu cử. Bất ổn chính sách, đặc biệt là về chính sách thương mại, tài khóa, tiền tệ và quy định, thường khiến tâm lý của các doanh nghiệp và người tiêu dùng trở nên thận trọng, làm chậm lại chi tiêu và tăng chi phí tài chính, từ đó giảm tốc độ tăng trưởng.

Thương mại và chính sách bảo hộ: Việc tiếp tục và tiềm năng gia tăng các biện pháp bảo hộ có thể dẫn đến sự trả đũa giữa các khối thương mại, làm suy yếu triển vọng kinh tế toàn cầu.

Tác động của thuế quan đối với tăng trưởng: Việc Hoa Kỳ áp dụng tăng thuế quan mạnh mẽ có thể ảnh hưởng tiêu cực đến không chỉ các đối tác thương mại mà còn cả người tiêu dùng và nhà sản xuất trong nước. Các mô hình mô phỏng cho thấy việc tăng thuế quan của Hoa Kỳ lên 10 điểm phần trăm trong năm 2025 có thể làm giảm tăng trưởng toàn cầu 0,2 điểm phần trăm, và nếu có thuế quan trả đũa từ các đối tác thương mại, tác động tiêu cực đối với tăng trưởng sẽ lên tới 0,3 điểm phần trăm.

Việc gia tăng bảo hộ thương mại, như áp thuế quan mới, có thể làm căng thẳng thương mại leo thang, giảm đầu tư và gây xáo trộn chuỗi cung ứng, ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Nếu Hoa Kỳ nới lỏng chính sách tài khóa, như cắt giảm thuế, kinh tế có thể hưởng lợi trong ngắn hạn nhưng về lâu dài có thể làm tăng rủi ro tài chính, gây áp lực lên thị trường trái phiếu và đẩy lãi suất toàn cầu tăng cao.

Tác động tiềm tàng của việc ông Donald Trump tái đắc cử Tổng thống Hoa Kỳ

Cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ năm 2024 là một trong những sự kiện chính trị được theo dõi sát sao nhất trên toàn cầu. Ông Donald Trump đã giành chiến thắng trước Phó Tổng thống đương nhiệm Kamala Harris vào ngày 5/11/2024, đi kèm với việc Đảng Cộng hòa kiểm soát cả Thượng viện và Hạ viện, mở ra một sự thay đổi lớn trong chính sách trong nước và đối ngoại của Hoa Kỳ.

Việc ông Donald Trump tái đắc cử Tổng thống Hoa Kỳ đã làm dấy lên nhiều quan tâm về những tác động tiềm tàng từ các đề xuất chính sách của ông. Chính quyền mới của Donald Trump được kỳ vọng sẽ theo đuổi những thay đổi lớn trong nhiều lĩnh vực, có thể tạo ra những tác động đáng kể đối với kinh tế Hoa Kỳ và toàn cầu, đặc biệt là khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Các chính sách này có khả năng dựa trên những biện pháp đã được thực hiện trong nhiệm kỳ đầu tiên của ông, vốn đã ảnh hưởng sâu rộng đến nền kinh tế thế giới.

Theo ADB¹¹, vẫn còn nhiều điều chưa chắc chắn về các chính sách mà chính quyền mới của Tổng thống Trump sẽ theo đuổi, phạm vi ảnh hưởng của chúng và tốc độ thực hiện. Dưới đây là 3 trụ cột chính sách của Tổng thống Donald Trump và tác động tiềm tàng:

(i) Chính sách thương mại với xu hướng bảo hộ gia tăng: đề xuất áp thuế 60% đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc và 10%-20% đối với hàng nhập khẩu từ tất cả các quốc gia khác. Đây có thể là chiến lược đàm phán hơn là mục tiêu chính sách cứng nhắc, nhưng rõ ràng Donald Trump đang hướng đến một chính sách thương mại bảo hộ hơn. Những đề xuất khác như xem xét lại Hiệp định Hoa Kỳ-Mexico-Canada (USMCA), rút lại quy chế quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn của Trung Quốc, và áp thuế điều chỉnh biên giới carbon cũng cho thấy xu hướng này. Các mức thuế mới này có thể được áp dụng sớm nhất trong quý 3 năm 2025, nhưng thời điểm chính xác có thể thay đổi. Ngoài ra, chúng có thể được thực hiện đồng loạt hoặc theo từng giai đoạn.

Ban đầu, thuế quan cao có thể giúp cải thiện cán cân thương mại Hoa Kỳ bằng cách giảm nhập khẩu. Tuy nhiên, việc tăng giá hàng nhập khẩu sẽ đẩy lạm phát lên cao và làm giảm tăng trưởng GDP. Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) có thể buộc phải duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt hơn để kiểm soát lạm phát. Nếu lãi suất cao kéo dài và đồng USD mạnh lên, xuất khẩu của Hoa Kỳ sẽ giảm, làm xói mòn lợi ích từ chính sách thương mại mới. Thuế trả đũa từ Trung Quốc, EU và các đối tác thương mại khác sẽ càng khiến xuất khẩu Hoa Kỳ gặp khó khăn hơn, làm suy yếu động lực tăng trưởng kinh tế.

(ii) Chính sách nhập cư ảnh hưởng đến thị trường lao động: tập trung mạnh vào

¹¹ Asian Development Outlook, 12/2024

việc trấn áp nhập cư bất hợp pháp, với các biện pháp có thể bao gồm trục xuất tới 1 triệu người nhập cư bất hợp pháp mỗi năm, giảm số lượng người tị nạn được chấp nhận, tiếp tục xây dựng bức tường biên giới Hoa Kỳ-Mexico, chấm dứt chính sách "bắt và thả", và sử dụng quân đội để bảo vệ biên giới. Chính sách di trú hợp pháp cũng có thể trở nên nghiêm ngặt hơn.

Việc giảm nhập cư sẽ làm suy giảm nguồn cung lao động và giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế Hoa Kỳ trong trung hạn, đặc biệt trong các ngành sử dụng nhiều lao động nhập cư như nông nghiệp, xây dựng, khách sạn, dịch vụ ăn uống và cá nhân. Với tình trạng gần như toàn dụng lao động của Hoa Kỳ hiện nay, việc thiếu hụt lao động có thể khiến tiền lương và giá cả tăng nhanh hơn. Trong ngắn hạn, dòng người nhập cư có thể tăng do những người có ý định di cư muốn đến Hoa Kỳ trước khi các biện pháp hạn chế mới có hiệu lực.

(iii) Chính sách tài khóa và thuế: các biện pháp cắt giảm thuế trị giá 4.6 nghìn tỷ USD từ Đạo luật Cắt giảm Thuế năm 2017 của Donald Trump dự kiến sẽ hết hạn vào cuối năm 2025. Tuy nhiên, chính quyền Donald Trump có thể gia hạn hoặc thậm chí biến các biện pháp này thành vĩnh viễn, đồng thời đề xuất các chính sách mới như miễn thuế đối với tiền boa, làm thêm giờ và trợ cấp An sinh Xã hội, cũng như giảm thuế doanh nghiệp xuống 15% cho các công ty sản xuất.

Chỉ tiêu chính phủ dự kiến cũng sẽ tăng, đặc biệt là chi tiêu quốc phòng và các lĩnh vực ưu tiên khác. Doanh thu từ thuế quan mới và việc cắt giảm các chính sách khí hậu hoặc phúc lợi xã hội có thể không đủ để bù đắp cho các biện pháp tài khóa mở rộng này. Kết quả là, thâm hụt ngân sách liên bang (hiện khoảng 6.5% GDP) có thể tăng cao hơn nữa, và tỷ lệ nợ công/GDP sẽ vượt mức 100%.

Tác động đối với châu Á - Thái Bình Dương: theo ADB, các chính sách của chính quyền Donald Trump sẽ có tác động đến châu Á - Thái Bình Dương, nhất là kể từ năm 2026 trở đi. Nếu Hoa Kỳ tăng thuế đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc, điều này có thể gây gián đoạn trong thương mại khu vực. Tuy nhiên, Trung Quốc có thể đáp trả bằng cách hạ giá đồng Nhân dân tệ (RMB) và áp thuế trả đũa đối với hàng nhập khẩu từ Hoa Kỳ nhưng ở mức không cao như Hoa Kỳ. Việc Hoa Kỳ siết chặt nhập cư từ giữa năm 2025 có thể ảnh hưởng đến lao động nhập cư từ châu Á, nhưng tác động sẽ chủ yếu diễn ra từ năm 2026.

Trong ngắn hạn, các chính sách của Trump chủ yếu tác động đến nền kinh tế Hoa Kỳ, với ảnh hưởng đến châu Á - Thái Bình Dương chỉ xuất hiện rõ rệt từ năm 2026 trở đi. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng sẽ phụ thuộc vào quy mô và tốc độ thực hiện của các chính sách thương mại, nhập cư và tài khóa. Chính sách thương mại và nhập cư cứng rắn của Trump có thể làm chậm tăng trưởng toàn cầu, nhưng tác động ngắn hạn sẽ tương đối hạn chế. Hoa Kỳ và Trung Quốc chịu thiệt hại lớn nhất, trong khi một số nền kinh tế khác có thể hưởng lợi từ sự dịch chuyển chuỗi cung ứng. Lạm phát

sẽ tăng ở Hoa Kỳ và Trung Quốc, nhưng chỉ ảnh hưởng nhẹ đến phần còn lại của thế giới. Cần theo dõi phản ứng chính sách của các nền kinh tế khác, đặc biệt là Trung Quốc, để đánh giá tác động thực tế.

Bảng 2.5. Tóm tắt các đề xuất chính của ông Donald Trump trong các lĩnh vực thương mại, nhập cư và chính sách tài khóa, bao gồm cả giả định cơ sở và kịch bản rủi ro

Lĩnh vực Chính sách	Các đề xuất chính trong chiến dịch tranh cử của Donald Trump	Các giả định cơ sở trong báo cáo của ADB tháng 12 năm 2024	Giả định Kịch bản rủi ro
Thương mại	• 60% thuế nhập khẩu từ Trung Quốc; • 10% - 20% thuế nhập khẩu từ các nền kinh tế khác; • Đánh giá lại Hiệp định Hoa Kỳ - Mexico - Canada (USMCA); • Thu hồi quy chế quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn của Trung Quốc; • Áp thuế carbon đối với hàng nhập khẩu.	Dự kiến áp dụng từ năm 2026: • Thuế nhập khẩu 25% đối với máy móc, điện tử và hóa chất từ Trung Quốc vào năm 2026; Trung Quốc cũng tăng thuế đối với các mặt hàng tương tự nhập khẩu từ Hoa Kỳ, nhưng với mức thấp hơn; Đồng Nhân dân tệ (RMB) mất giá so với đồng đô la Hoa Kỳ. • Hoa Kỳ áp thuế 25% đối với thép, nhôm và ô tô nhập khẩu từ Liên minh Châu Âu (EU). EU đáp trả bằng cách áp thuế tương đương lên hàng hóa từ Hoa Kỳ. • Hoa Kỳ nhắm mục tiêu áp thuế lên thép, nhôm và xe điện sản xuất tại Trung Quốc nhưng nhập khẩu từ Mexico, cùng với một số mặt hàng từ Canada.	Dự kiến áp dụng trong giai đoạn 2026 - 2027: • Hoa Kỳ áp thuế 60% đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc và 10% đối với hàng nhập khẩu từ các đối tác thương mại lớn khác. • Trung Quốc cũng tăng thuế đối với hàng nhập khẩu từ Hoa Kỳ, nhưng với mức thấp hơn. Đồng Nhân dân tệ (RMB) mất giá so với đồng đô la Hoa Kỳ. • Các nền kinh tế khác đáp trả mạnh mẽ bằng cách áp thuế cao hơn đối với hàng nhập khẩu từ Hoa Kỳ.
Nhập cư	• Trục xuất tới 1 triệu người nhập cư bất hợp pháp mỗi năm. • Giảm số lượng người tị nạn được chấp nhận. • Tiếp tục xây dựng bức tường biên giới Hoa Kỳ - Mexico. • Chấm dứt chính sách “bắt rồi thả”, không cho phép người nhập cư bất hợp	• Chính sách nhập cư sẽ trở nên nghiêm ngặt hơn từ giữa năm 2025. • Số lượng người nhập cư rông vào Hoa Kỳ giảm khoảng 300.000 người mỗi năm. • Sau nhiệm kỳ thứ hai của Trump, số lượng người nhập cư rông quay trở lại mức	• Chính sách nhập cư sẽ còn nghiêm ngặt hơn so với kịch bản cơ sở từ giữa năm 2025. • Số lượng người nhập cư rông vào Hoa Kỳ giảm xuống còn 560.000 người mỗi năm. • Sau nhiệm kỳ thứ

	pháp được thả ra trong khi chờ xét duyệt. - Huy động lực lượng quân đội để bảo vệ biên giới. - Khôi phục chính sách “Ở lại Mexico”, yêu cầu người xin tị nạn ở lại Mexico trong khi chờ xét duyệt tại Hoa Kỳ. - Siết chặt các tiêu chí nhập cư hợp pháp.	trung bình của giai đoạn 2022-2023, khoảng 1,1 triệu người mỗi năm.	hai của Trump, số lượng người nhập cư rờn quay trở lại mức trung bình của giai đoạn 2022-2023, khoảng 1,1 triệu người mỗi năm.
Chính sách tài khóa	- Gia hạn Đạo luật Cắt giảm Thuế và Việc làm (TCJA), giữ nguyên khoản cắt giảm thuế trị giá 4,6 nghìn tỷ USD vốn sẽ hết hạn vào cuối năm 2025. - Bãi bỏ thuế đối với tiền boa (tip), lương làm thêm giờ và trợ cấp an sinh xã hội; giảm thuế doanh nghiệp xuống 15% cho các công ty sản xuất. - Xóa bỏ các khoản tín dụng thuế cho năng lượng xanh được ban hành theo Đạo luật Giảm lạm phát. - Cắt giảm chi tiêu cho nhà ở và các chương trình liên quan đến năng lượng xanh. - Tăng mạnh chi tiêu quốc phòng.	- Các điều khoản về thuế cá nhân trong TCJA sắp hết hạn sẽ được giữ nguyên hoàn toàn, trong khi một số điều khoản về thuế doanh nghiệp sẽ được nới lỏng hơn. - Chỉ một số phần của Đạo luật Giảm lạm phát bị bãi bỏ, còn các khoản tín dụng thuế cho năng lượng sạch vẫn được giữ lại. - Chỉ tiêu cho mạng lưới an sinh xã hội (ví dụ: Medicaid và Medicare) giảm, nhưng tổng chi tiêu cho quốc phòng và phi quốc phòng tăng. - Tình hình tài khóa liên bang xấu đi và tỷ lệ nợ công trên GDP tăng lên.	Chính sách tài khóa của Hoa Kỳ mở rộng hơn so với kịch bản cơ sở, với các đợt cắt giảm thuế mạnh hơn và mức chi tiêu cao hơn.

Nguồn: Asian Development Outlook, 12/2024

Lạm phát và chính sách tiền tệ

Lạm phát toàn cầu đã giảm nhưng không ổn định. Giá thực phẩm và năng lượng có xu hướng hạ nhiệt, song lạm phát cơ bản vẫn cao do giá dịch vụ. Nếu chính sách thương mại thay đổi hoặc xung đột leo thang, lạm phát có thể tiếp tục vượt dự báo. Tăng trưởng lương mạnh giúp thu nhập thực tế phục hồi, nhưng cũng tạo áp lực lên giá cả. Dù dự báo giá hàng hóa sẽ giảm, các vấn đề cung ứng đặc thù có thể đẩy giá hàng hóa lên, đặc biệt là trong lĩnh vực thực phẩm và năng lượng.

Tác động của lạm phát đến chính sách tiền tệ: nếu lạm phát kéo dài, các ngân hàng trung ương có thể phải hoãn hoặc đảo ngược kế hoạch nới lỏng chính sách, thậm chí tăng lãi suất. Điều này sẽ làm giảm tiêu dùng, đầu tư và tăng chi phí nợ của chính

phủ. Dự báo lạm phát tại Hoa Kỳ sẽ gần mức mục tiêu 2% vào năm 2025, trong khi khu vực đồng euro có thể duy trì mức lạm phát thấp hơn. Trung Quốc dự kiến tiếp tục duy trì lạm phát thấp, tạo ra khoảng cách lớn hơn trong chính sách tiền tệ giữa các nền kinh tế lớn.

Triển vọng chính sách tiền tệ và các rủi ro: lạm phát toàn cầu dự kiến giảm xuống 4,2% vào năm 2025 và 3,5% vào năm 2026. Tuy nhiên, tốc độ giảm không đồng đều giữa các nước phát triển và các thị trường mới nổi. Chính sách tiền tệ nới lỏng có thể thúc đẩy tiêu dùng và đầu tư, nhưng rủi ro từ thuế quan và bất ổn kinh tế vẫn đáng lo ngại. Nếu thuế quan tăng, giá nhập khẩu có thể đẩy lạm phát tiêu dùng lên cao. Các nền kinh tế lớn hiện đang đối mặt với chu kỳ lạm phát cao hơn giai đoạn 2017-2021, khiến tác động của chính sách thương mại trở nên nghiêm trọng hơn.

Nếu các ngân hàng trung ương phải tăng lãi suất để kiểm soát lạm phát, sự chênh lệch giữa chính sách tiền tệ của Hoa Kỳ và các nước khác sẽ gia tăng, có thể gây bất ổn tài chính toàn cầu. Đồng USD mạnh lên có thể ảnh hưởng đến dòng vốn và làm gia tăng mất cân bằng tài chính.

Các nước phát triển duy trì điều kiện tài chính ổn định và có xu hướng nới lỏng chính sách, trong khi các thị trường mới nổi chịu áp lực từ lãi suất cao và đồng USD mạnh. Việc thắt chặt tài khóa tại nhiều quốc gia OECD cũng có thể làm giảm tốc độ tăng trưởng và hạn chế khả năng phục hồi kinh tế.

Rủi ro từ suy giảm nhu cầu tại Trung Quốc và Hoa Kỳ, tăng trưởng yếu hơn kỳ vọng ở các nền kinh tế lớn và tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người chậm lại ở các nước đang phát triển

Tác động từ suy giảm nhu cầu tại Hoa Kỳ: Nếu nhu cầu từ Hoa Kỳ giảm, các EMDEs có thể chịu ảnh hưởng tiêu cực, đặc biệt là các quốc gia xuất khẩu lớn. Giảm nhu cầu từ Hoa Kỳ có thể khiến giá hàng hóa giảm, làm suy yếu nền kinh tế các quốc gia xuất khẩu và làm giảm dòng chảy đầu tư toàn cầu.

Tác động từ suy giảm ở Trung Quốc: Bên cạnh việc tăng thuế quan, sự điều chỉnh mạnh mẽ trong ngành bất động sản của Trung Quốc, với sự sụt giảm mạnh trong đầu tư bất động sản, sẽ có ảnh hưởng tiêu cực lớn đến hoạt động kinh tế toàn cầu, đặc biệt là nhu cầu về kim loại và hàng hóa.

Tăng trưởng tại Hoa Kỳ: Các chỉ số gần đây về thị trường lao động cho thấy nguồn cung lao động đã bắt đầu suy yếu, trong khi chi tiêu tiêu dùng có dấu hiệu giảm khi thu nhập khả dụng chậm lại. Tăng trưởng tại Hoa Kỳ có thể giảm nhanh hơn dự báo, đặc biệt nếu chính sách thương mại thay đổi mạnh mẽ, với các mức thuế cao hơn làm giảm chi tiêu tiêu dùng và đầu tư. Chi tiêu giảm có thể dẫn đến sự suy giảm mạnh mẽ hơn nữa trong thị trường lao động, làm giảm tốc độ tăng trưởng thu nhập lao động, đặc biệt khi các doanh nghiệp cắt giảm tuyển dụng và tăng cường sa thải.

Tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người chậm lại ở các nước EMDE: Các nền kinh tế thị trường mới nổi và đang phát triển (EMDE) vẫn là động lực chính cho tăng trưởng toàn cầu, đóng góp 60% vào tổng tăng trưởng. Tuy nhiên, những nền kinh tế này đang phải đối mặt với tốc độ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người chậm lại. Các quốc gia như Ấn Độ và Indonesia có triển vọng tích cực nhờ vào nhu cầu nội địa mạnh mẽ và các gói kích thích từ chính phủ, nhưng nhiều quốc gia nghèo, đặc biệt là ở châu Phi và châu Á, vẫn gặp khó khăn trong việc đạt được mức thu nhập trung bình. Căng thẳng nợ công và thiếu khả năng đầu tư vào sản xuất tiếp tục là những vấn đề nan giải tại nhiều quốc gia này.

Leo thang xung đột vũ trang và căng thẳng địa chính trị

Bất ổn chính trị và xung đột địa chính trị đang trở thành rủi ro lớn đối với tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Những biến động này ảnh hưởng sâu rộng đến chuỗi cung ứng, thị trường tài chính và đầu tư, đặc biệt là tại các nền kinh tế đang phát triển vốn dễ tổn thương trước các cú sốc bên ngoài.

Căng thẳng tại Trung Đông và Ukraine có nguy cơ leo thang, làm gián đoạn nguồn cung hàng hóa, đẩy giá năng lượng và lương thực tăng cao. Các nước nhập khẩu chịu tác động nặng nề khi đối mặt với lạm phát và tăng trưởng chậm lại. Nếu xung đột kéo dài tại Trung Đông, nguồn cung dầu mỏ và khí đốt có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng, khiến giá năng lượng tăng vọt, tác động xấu đến kinh tế toàn cầu. Tại Ukraine, chiến sự tiếp tục gây bất ổn thị trường hàng hóa và đe dọa an ninh khu vực.

Số lượng các cuộc xung đột vũ trang đã đạt mức cao nhất kể từ Thế chiến II. Những cuộc chiến kéo dài làm suy giảm tăng trưởng kinh tế, phá hủy cơ sở hạ tầng và tài nguyên, đặc biệt ở các nước thu nhập thấp. Trong vòng 5 năm sau xung đột, GDP bình quân đầu người tại các quốc gia này có thể giảm khoảng 15%.

Sự gia tăng căng thẳng địa chính trị, bao gồm xung đột thương mại và chủ nghĩa dân túy, ảnh hưởng mạnh đến kinh tế toàn cầu. Việc gián đoạn thương mại, hạn chế dòng vốn và suy giảm niềm tin của nhà đầu tư làm tổn hại đến các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Các quốc gia đang phát triển đặc biệt dễ bị tổn thương trước tác động gián tiếp từ căng thẳng địa chính trị, chẳng hạn như hạn chế thương mại hoặc dòng vốn đầu tư suy giảm. Khi niềm tin của nhà đầu tư lung lay, triển vọng tăng trưởng kinh tế càng trở nên mong manh.

Mối đe dọa từ các cuộc tấn công mạng

Tăng cường tấn công mạng: căng thẳng địa chính trị gia tăng kèm theo sự số hóa hạ tầng quan trọng đã dẫn đến sự gia tăng các mối đe dọa tấn công mạng. Từ năm 2014 đến 2023, các sự cố tấn công mạng toàn cầu đã tăng trưởng với tỷ lệ trung bình hàng năm 21%, với các quốc gia thu nhập trung bình cao ghi nhận mức tăng cao nhất là 37%.

Sự gia tăng tần suất và chi phí của các sự cố mạng có thể dẫn đến tổn thất kinh tế nghiêm trọng. Mỗi đe dọa từ các cuộc tấn công mạng có thể dẫn đến các tình huống có ảnh hưởng nghiêm trọng như "cuộc tấn công mạng vào các tổ chức tài chính" hoặc phá hoại các mạng lưới năng lượng hoặc giao thông quan trọng.

Biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai

Biến đổi khí hậu tiếp tục là mối đe dọa lớn đối với nền kinh tế toàn cầu. Các tổ chức như WB và UN đều cảnh báo về tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, đặc biệt là các thiên tai gia tăng, có thể làm suy yếu cơ sở hạ tầng, giảm năng suất nông nghiệp và gây ra những thiệt hại đáng kể cho các nền kinh tế, nhất là các quốc gia thu nhập thấp. Thực tế, năm 2024 được dự báo là năm nóng nhất trong lịch sử, điều này càng làm tăng lo ngại về các thách thức liên quan đến an ninh lương thực và tăng trưởng bền vững.

Tác động của biến đổi khí hậu: Các hiện tượng khí hậu cực đoan ngày càng trở nên rõ rệt, bao gồm thời tiết khắc nghiệt, mực nước biển dâng và nhiệt độ trung bình tăng cao. Ví dụ, nhiệt độ trung bình toàn cầu vào tháng 7 năm 2023 cao hơn 1°C so với mức trung bình của thế kỷ 20. Việc tăng nhiệt độ và gia tăng tần suất các thảm họa tự nhiên sẽ có những tác động tiêu cực đến kinh tế, như hư hại cơ sở hạ tầng, tổn thất nông nghiệp, và sự gia tăng giá hàng hóa do hạn hán, lũ lụt và bão.

Tác động dài hạn: Biến đổi khí hậu có thể làm tăng sự không chắc chắn, giảm đầu tư và yếu đi tăng trưởng năng suất dài hạn. Mặc dù tác động này có thể không xảy ra ngay lập tức, nhưng sẽ có ảnh hưởng sâu rộng nếu nhiệt độ tiếp tục tăng và vượt ra khỏi mức bình thường trong quá khứ.

Chi phí tài chính và khủng hoảng: Rủi ro tài chính từ biến đổi khí hậu có thể xuất hiện dưới dạng chi phí vay cao hơn, tổn thất tín dụng từ các vụ phá sản và gián đoạn do thiên tai, gia tăng tiết kiệm dự phòng, và trong trường hợp cực đoan, có thể dẫn đến khủng hoảng tài chính.

Tác động đặc biệt ở các quốc gia đang phát triển: các quốc gia đang phát triển có ít không gian tài chính để ứng phó hiệu quả với các thảm họa khí hậu, điều này có thể làm trầm trọng thêm thiệt hại đối với tài sản công và ảnh hưởng không tương xứng đến các hộ gia đình nghèo.

2.5. Các hành động chính sách cần thiết

Để thúc đẩy tăng trưởng toàn cầu trong bối cảnh này, các tổ chức quốc tế đều thống nhất rằng cần có những chính sách quyết đoán để ổn định kinh tế vĩ mô, cải thiện môi trường đầu tư và giảm thiểu rủi ro từ các yếu tố bên ngoài. Các quốc gia cần tập trung vào việc bảo vệ thương mại, quản lý nợ công, cải thiện năng lực sản xuất. Bên cạnh đó, việc tối ưu hóa chi tiêu công và đầu tư vào nhân lực, đặc biệt là giáo dục và kỹ năng, là yếu tố quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

Điều chỉnh chính sách ở cấp độ quốc gia

Các quốc gia cần tiếp tục cải cách cơ cấu để đối phó với các yếu tố như lão hóa dân số, năng suất lao động thấp và nợ công cao. Những điều chỉnh chính sách này phải bao gồm việc cải cách thị trường lao động, tăng cường đầu tư vào hạ tầng và chuyển đổi sang nền kinh tế xanh nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu. Hơn nữa, việc cải thiện năng lực tài chính của các quốc gia đang phát triển thông qua các khoản vay ưu đãi hoặc hỗ trợ tài chính từ các tổ chức quốc tế là rất cần thiết để thúc đẩy phát triển.

Hợp tác toàn cầu để đối phó với biến đổi khí hậu và thiên tai

Biến đổi khí hậu là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến mất mát đa dạng sinh học, điều này ảnh hưởng nghiêm trọng đến các cơ hội tăng trưởng trong tương lai. Mặc dù mất mát đa dạng sinh học ở các quốc gia thu nhập thấp và trung bình có thể không làm giảm ngay lập tức sản lượng kinh tế, nhưng nó sẽ làm giảm các cơ hội phát triển trong tương lai, đặc biệt là liên quan đến các dịch vụ hệ sinh thái như thủy sản và gỗ rừng. Các quốc gia cần hợp tác chặt chẽ trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu, xây dựng các kế hoạch phát triển bền vững và thực hiện các cam kết giảm phát thải khí nhà kính. Biến đổi khí hậu là một trong những thách thức lớn nhất đối với sự phát triển toàn cầu trong dài hạn. Điều này đòi hỏi phải có các khoản đầu tư lớn để giảm thiểu và thích nghi với biến đổi khí hậu, đặc biệt là ở các quốc gia nghèo, nơi chi phí thích ứng rất cao. Tuy nhiên, các cam kết toàn cầu hiện tại vẫn chưa đủ để đạt được mục tiêu "net zero" vào năm 2050. Các sáng kiến như các quỹ phát triển xanh và các cam kết chuyển đổi năng lượng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đối với các nền kinh tế dễ bị tổn thương.

Đầu tư vào bảo tồn thiên nhiên: Các chính sách hỗ trợ đổi mới và bảo vệ đa dạng sinh học có thể giúp giảm thiểu biến đổi khí hậu. Đầu tư vào bảo tồn thiên nhiên, phục hồi và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên là ưu tiên quan trọng. Các biện pháp như cải cách trợ cấp và đánh thuế carbon có thể giúp tạo động lực cho các khoản đầu tư vào công nghệ tiết kiệm năng lượng và phát triển bền vững.

Giải quyết tình trạng xung đột và căng thẳng địa chính trị

Một trong những yếu tố quan trọng trong việc duy trì tăng trưởng bền vững là việc giải quyết tình trạng xung đột và căng thẳng địa chính trị, điều này đặc biệt quan trọng đối với các quốc gia dễ bị tổn thương. Hợp tác quốc tế là cần thiết để giảm thiểu tác động tiêu cực từ căng thẳng địa chính trị đối với các mạng lưới thương mại. Cần phải có sự giải quyết nhanh chóng và có trật tự khi xảy ra các tranh chấp thương mại, đồng thời cần cải thiện minh bạch về các chính sách và thực tiễn thương mại. Các nước có thể ký kết các hiệp định thương mại sâu, đặc biệt là những hiệp định giải quyết các rào cản phi thuế quan, để thúc đẩy thương mại và giảm thiểu tác động tiêu cực từ các chính sách bảo hộ.

Hợp tác quốc tế là rất quan trọng để giảm thiểu tác động của căng thẳng địa chính trị đối với mạng lưới thương mại và thúc đẩy các đầu tư xanh ở các quốc gia EMDE. Cần giảm các rào cản thương mại và đầu tư đối với các công nghệ xanh để thúc đẩy đầu tư vào năng lượng tái tạo và cải thiện hiệu quả năng lượng.

Tăng cường vai trò của công nghệ

Đổi mới công nghệ, đặc biệt là tự động hóa và AI, có thể mang lại những lợi ích lớn về năng suất và hiệu quả cho nền kinh tế. Tuy nhiên, sự phát triển của công nghệ cũng đồng thời tạo ra những tác động đáng lo ngại đối với thị trường lao động. Các công nhân có trình độ học vấn thấp và kỹ năng nghề nghiệp cũ có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm mới khi mà công nghệ thay thế những công việc mà họ thường đảm nhận. Điều này đặc biệt đúng với các ngành sản xuất, nơi tự động hóa có thể thay thế một phần lớn lực lượng lao động. Để đối phó với những thay đổi này, các quốc gia EMDEs cần xây dựng các chính sách hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng bởi công nghệ, như các chương trình đào tạo lại, hỗ trợ việc làm và các chính sách bảo vệ xã hội. Đồng thời, các quốc gia cũng nên khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ trong các ngành có khả năng tạo ra nhiều công ăn việc làm mới, chẳng hạn như công nghệ thông tin và công nghiệp sáng tạo. Bằng cách này, các quốc gia EMDEs có thể tận dụng lợi ích của công nghệ mà không để lại những nhóm lao động bị bỏ lại phía sau, từ đó thúc đẩy sự phát triển bền vững và công bằng trong xã hội.

Các sáng kiến cơ cấu phục vụ chuyển đổi lao động

Một trong những thách thức lớn nhất đối với các quốc gia EMDEs là thúc đẩy sự chuyển đổi lao động từ các ngành nghề truyền thống sang các ngành có năng suất cao hơn. Việc này không chỉ giúp tăng trưởng kinh tế mà còn góp phần giảm thiểu xung đột xã hội. Các ngành nghề truyền thống, như nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, thường có năng suất thấp và phụ thuộc nhiều vào lao động thủ công. Trong khi đó, các ngành có năng suất cao hơn, như công nghệ thông tin, dịch vụ tài chính, và công nghiệp chế tạo hiện đại, có thể tạo ra nhiều cơ hội việc làm chất lượng cao hơn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo.

Chuyển đổi lao động cần được hỗ trợ bằng các chính sách đào tạo nghề, khuyến khích đầu tư vào công nghệ và cơ sở hạ tầng hiện đại. Cũng cần đặc biệt chú trọng đến các chương trình tái đào tạo cho những lao động trong các ngành nghề cũ, giúp họ thích nghi với các công việc mới có yêu cầu kỹ năng cao hơn. Bằng cách này, các quốc gia EMDEs có thể tạo ra một lực lượng lao động linh hoạt và có khả năng thích ứng nhanh chóng với thay đổi của thị trường lao động toàn cầu. Hơn nữa, quá trình chuyển đổi này cũng giúp giảm thiểu xung đột trong xã hội, khi mà những nhóm lao động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong nền kinh tế có thể tìm được cơ hội việc làm mới và nâng cao thu nhập.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường sự tham gia của lao động

Đầu tư vào con người, nâng cao chất lượng giáo dục và chăm sóc sức khỏe là yếu tố quan trọng để phát triển bền vững. Các chính sách cần tập trung vào giáo dục chất lượng và cơ hội việc làm cho nhóm lao động chưa được tham gia đầy đủ. Cần giảm khoảng cách giới trong tham gia lao động, đặc biệt là tăng cơ hội việc làm cho phụ nữ qua các chương trình chăm sóc trẻ em và hỗ trợ việc làm. Bên cạnh đó, việc cải thiện điều kiện sống và cơ hội việc làm cho lực lượng lao động, đặc biệt là trong các khu vực đang có dân số độ tuổi lao động tăng mạnh, sẽ tạo ra một tác động tích cực đối với nền kinh tế toàn cầu.

Bảo đảm an ninh lương thực

Sự gia tăng xung đột và biến đổi khí hậu khiến an ninh lương thực trở thành vấn đề cấp bách. Cần có chiến lược đa chiều để hỗ trợ sản xuất nông sản, giảm thất thoát sau thu hoạch và cải thiện chuỗi cung ứng thực phẩm. Chính sách nông nghiệp thông minh khí hậu: Đẩy mạnh các biện pháp nông nghiệp thông minh với khí hậu để tăng tính bền vững của hệ thống thực phẩm và nâng cao thu nhập cho nông dân. Vấn đề an ninh lương thực cần phải được ưu tiên, khi nạn đói và bất ổn lương thực đang gia tăng ở nhiều quốc gia EMDE. Các biện pháp giúp tăng cường khả năng tự cung tự cấp thực phẩm và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đối với sản xuất nông nghiệp là cần thiết để bảo đảm an ninh lương thực và ổn định xã hội.

Giải quyết rủi ro nợ công

Các quốc gia EMDEs đang phải đối mặt với rủi ro nợ công, đặc biệt là sau khi nợ và chi phí vay tăng mạnh trong những năm gần đây. Nợ công hiện tại cao hơn so với năm 2019 ở gần ba phần tư các quốc gia EMDEs, và nhiều quốc gia đối mặt với các tình trạng tài khóa yếu hơn và nợ ngoại quốc cao hơn. Điều này có thể dẫn đến các cuộc khủng hoảng nợ, gây thiệt hại lớn đối với nền kinh tế và xã hội, làm tăng nghèo đói, tỷ lệ tử vong trẻ em và suy dinh dưỡng. Do vậy, cần có hành động chính sách mạnh mẽ để giảm thiểu các rủi ro nợ và tránh các cuộc khủng hoảng nợ công. Tái cấu trúc nợ là rất quan trọng trong việc giảm chi phí nợ và tránh các hậu quả tiêu cực đối với phát triển và chuyển đổi xanh. Các sáng kiến quốc tế như Khung chung G20 cần được tiếp tục cải tiến để xử lý các vấn đề ngày càng phức tạp liên quan đến nợ công.

Nhìn chung, tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong giai đoạn 2025-2026 sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức, nhưng cũng có những cơ hội nếu các quốc gia và tổ chức quốc tế có những chính sách và hành động kịp thời. Trong khi các nền kinh tế phát triển có thể duy trì mức tăng trưởng ổn định, các quốc gia mới nổi và đang phát triển sẽ cần phải đối mặt với những rủi ro tài chính, nợ công và biến đổi khí hậu. Việc thực hiện các cải cách cơ cấu, đẩy mạnh đầu tư vào nhân lực và ứng phó với biến đổi khí hậu sẽ là những yếu tố then chốt để đạt được tăng trưởng bền vững và thịnh vượng trong tương lai.

III. DỰ BÁO XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ NĂM 2025

Công nghệ đang tiếp tục thay đổi thế giới của chúng ta theo những cách mà chỉ vài năm trước đây có vẻ như là khoa học viễn tưởng. Một số tổ chức quốc tế, tạp chí, trang tin công nghệ, công ty phân tích thị trường, tư vấn đầu tư có uy tín trên thế giới như Forbes, Gartner, Deloitte, Technology Magazine... đã đưa ra dự báo các xu hướng công nghệ hàng đầu năm 2025. Các xu hướng công nghệ như AI, mật mã hậu lượng tử, cobot (robot cộng tác), và công nghệ xanh dự kiến sẽ tạo nên những đột phá quan trọng. AI tác nhân (Agentic AI) sẽ trở thành nền tảng thiết yếu trong cuộc sống và công việc hàng ngày, giống như điện năng hiện tại. Các công nghệ mới này không chỉ giải quyết vấn đề mà còn mở ra những cơ hội mới, phá vỡ rào cản năng suất và an ninh. Bên cạnh đó, sự phát triển nhanh chóng của AI, robot, tiền số, và công nghệ xanh đánh dấu một kỷ nguyên mới đầy tiềm năng, định hình lại tương lai với những cải tiến mạnh mẽ và đột phá.

3.1. Các xu hướng liên quan đến AI

AI tác nhân (Agentic AI)

Gartner đã gọi xu hướng công nghệ hàng đầu năm 2025 là Agentic AI. Đây là hệ thống AI tự chủ hoặc bán tự chủ, có khả năng hành động, lập luận và lên kế hoạch để giải quyết các vấn đề phức tạp, hứa hẹn mang lại sự tiến bộ trong năng suất và vận hành cho nhiều ngành nghề.

Khác biệt so với các AI truyền thống, Agentic AI có thể đưa ra quyết định và thực hiện các nhiệm vụ phức tạp mà không cần sự can thiệp của con người. Các hệ thống này không chỉ phản hồi yêu cầu mà còn chủ động học hỏi và thích ứng từ trải nghiệm của chính nó. Điều này giúp chúng giải quyết các vấn đề phức tạp thay vì chỉ làm theo hướng dẫn.

Một trong những điểm mạnh của Agentic AI là khả năng "xâu chuỗi", tức là thực hiện một chuỗi hành động để hoàn thành nhiệm vụ bằng cách chia nhỏ các bước phức tạp thành những phần đơn giản và dễ quản lý. Khả năng chủ động giúp nó dự đoán nhu cầu, đưa ra giải pháp sáng tạo và tối ưu hóa cách tiếp cận để đạt hiệu quả cao nhất.

Quy trình hoạt động của Agentic AI bao gồm bốn bước: nhận thức, lập luận, hành động và học hỏi. Nó thu thập và xử lý dữ liệu từ nhiều nguồn để hiểu môi trường, sử dụng mô hình ngôn ngữ lớn (LLM) để lập kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ qua công cụ bên ngoài và học từ các tương tác để cải thiện hiệu suất. Sự khác biệt giữa GenAI và Agentic AI nằm ở mục tiêu cuối cùng: GenAI tạo nội dung sáng tạo, còn Agentic AI tạo ra các hành động và giải pháp thực tế.

Vào năm 2025, Agentic AI sẽ trở thành xu hướng chủ đạo, thay vì chỉ hỗ trợ người dùng, nó sẽ thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong các doanh nghiệp. Ví dụ,

trong dịch vụ khách hàng, Agentic AI có thể tự động hóa các cuộc trò chuyện, còn trong sáng tạo nội dung, nó sẽ tạo ra các chiến dịch marketing cá nhân hóa. Nó cũng có thể được ứng dụng trong phát triển phần mềm, y tế và các lĩnh vực khác. Dự kiến, thị trường Agentic AI sẽ đạt 30,89 tỷ USD vào năm 2024 và sẽ tăng trưởng 31,68% mỗi năm đến năm 2030.

Các công ty như Google, Anthropic và OpenAI đang tiên phong trong việc phát triển nền tảng Agentic AI. Vào cuối năm 2024, các công nghệ mới từ OpenAI, Microsoft và Salesforce sẽ thúc đẩy sự bùng nổ của Agentic AI vào năm 2025. Công nghệ này sẽ giúp tự động hóa trải nghiệm khách hàng và cải thiện quy trình ra quyết định trong doanh nghiệp. Trong lĩnh vực bán lẻ, Agentic AI có thể tích hợp vào các hệ thống quản lý kho để dự đoán nhu cầu mua và tự động đặt lại hàng hóa.

Gartner dự đoán rằng vào năm 2028, ít nhất 15% quyết định công việc hàng ngày sẽ được đưa ra tự động thông qua Agentic AI, thay vì 0% vào năm 2024. Công nghệ này sẽ giúp nâng cao năng suất và cải thiện quy trình ra quyết định, tạo ra sự hợp tác giữa nhân viên và hệ thống AI.

Mặc dù có nhiều lợi ích, việc triển khai Agentic AI cũng đối mặt với một số thách thức. Các vấn đề như gián đoạn thị trường lao động, bảo mật, quyền riêng tư và chi phí năng lượng cần được giải quyết. Việc thiếu kiểm soát của con người trong các quyết định của AI cũng tạo ra mối lo ngại về đạo đức và sự vận hành không ổn định. Theo Forrester Research, hiện đã có khoảng 400 nhà cung cấp dịch vụ liên quan đến Agentic AI.

Để đối phó với những rủi ro này, cần có các quy định pháp lý và biện pháp bảo vệ để đảm bảo sự an toàn và bền vững khi triển khai AI. Các quy định cần đảm bảo rằng hệ thống AI hoạt động theo đúng mục đích của nhà cung cấp và người sử dụng, từ đó giảm thiểu các vấn đề tiềm ẩn trong tương lai.

Nền tảng quản trị AI

Với sự gia tăng sử dụng các nền tảng AI, đạo đức đã trở thành một phần trung tâm trong mọi cuộc trò chuyện. Không chỉ là AI, mà là AI có trách nhiệm (Responsible AI) là điều các thương hiệu đang tìm kiếm. Các nền tảng Quản trị AI chính là trung tâm của sự chuyển mình này. Chúng được thiết kế để quản lý các yếu tố đạo đức và pháp lý của AI, đồng thời giúp người dùng hiểu rõ tính khả thi trong vận hành của AI trong phạm vi tuân thủ quy định. Vì vậy, chúng giúp các tổ chức thi hành các chính sách và bảo đảm tuân thủ, làm cho việc triển khai AI có trách nhiệm trở nên dễ dàng hơn.

Theo Gartner, vào năm 2028, các tổ chức sử dụng nền tảng quản trị AI sẽ nhận được mức độ tin tưởng của khách hàng cao hơn 30% và tuân thủ quy định tốt hơn 25%.

Trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, các nền tảng quản trị AI có thể được sử dụng để

quản lý việc tuân thủ và rủi ro liên quan đến các hệ thống giao dịch thuật toán. Những nền tảng này có thể giám sát các thuật toán giao dịch bằng cách tự động hóa các kiểm tra tuân thủ và cung cấp các hồ sơ kiểm toán, giúp tuân thủ các yêu cầu quy định và bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm.

Khi AI ngày càng được tích hợp sâu vào các cơ sở hạ tầng quan trọng, 80% chuyên gia dữ liệu đều nhận thấy rằng nó làm gia tăng thách thức về bảo mật thông tin. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng các khuôn khổ quản trị và bảo mật chặt chẽ. Xu hướng này cho thấy sự cần thiết phải phát triển các tiêu chuẩn và quy định nghiêm ngặt, bảo đảm các hệ thống AI hoạt động an toàn, đáng tin cậy và theo đạo đức trong mọi ngành nghề.

Các yếu tố quan trọng trong việc triển khai AI có trách nhiệm bao gồm giảm thiểu sự thiên lệch trong thuật toán để tránh những kết quả không công bằng hoặc có hại, gia tăng tính minh bạch để tạo dựng lòng tin bằng cách làm rõ quá trình ra quyết định của AI, và bảo đảm trách nhiệm để duy trì các tiêu chuẩn đạo đức và pháp lý.

Khi AI ngày càng lan rộng trong xã hội, xây dựng một môi trường AI an toàn và đáng tin cậy không chỉ là một ưu tiên mà là điều thiết yếu để duy trì niềm tin vào công nghệ này. Nền tảng Quản trị AI đang được các công ty áp dụng mạnh mẽ để quản lý các yếu tố pháp lý, đạo đức và vận hành của AI. Những nền tảng này giúp thiết lập và thực thi các chính sách sử dụng AI có trách nhiệm, cung cấp tính minh bạch, giải thích quá trình ra quyết định của AI và quản lý vòng đời của mô hình. Điều này không chỉ xây dựng niềm tin mà còn thúc đẩy tính trách nhiệm, giúp các bên liên quan dễ dàng tin tưởng vào hệ thống AI. Tuy nhiên, sự khác biệt trong các quy định về AI giữa các quốc gia và ngành nghề gây khó khăn trong việc duy trì thực hành đồng nhất. Doanh nghiệp cần vượt qua những thách thức này để vừa tuân thủ quy định, vừa duy trì hiệu quả vận hành.

Năng lượng hạt nhân cho cơ sở hạ tầng AI

AI không chỉ là một công cụ kỳ diệu giúp con người tiến xa hơn mà còn là một "con dao hai lưỡi" đang âm thầm phá vỡ các hệ thống năng lượng và môi trường tự nhiên. Việc xây dựng hàng loạt các trung tâm dữ liệu để xử lý và lưu trữ lượng dữ liệu khổng lồ mà AI tạo ra đang tạo ra những thách thức rất lớn về mặt tài nguyên và năng lượng. Những cánh rừng bị tàn phá, tiêu thụ điện năng gia tăng đột biến và hiệu ứng nhà kính ngày càng nghiêm trọng là những thách thức cho tác động tiêu cực của AI lên hệ sinh thái toàn cầu. Ví dụ, một trung tâm dữ liệu nhỏ có diện tích trung bình 10.000 mét vuông tiêu thụ năng lượng tương đương với 30.000 ngôi nhà ở Hoa Kỳ. Tại Hoa Kỳ, dự kiến đến năm 2030, các trung tâm dữ liệu sẽ sử dụng 8% tổng lượng điện được tạo ra, tăng từ mức 3% năm 2022. Điều này đã được Goldman Sachs mô tả là “sự tăng trưởng điện năng chưa từng thấy trong lịch sử”.

Trên toàn cầu, hiện có hơn 7.000 trung tâm dữ liệu đã được xây dựng hoặc đang

trong các giai đoạn phát triển khác nhau, tăng mạnh so với con số 3.600 vào năm 2015. Các trung tâm này có khả năng tiêu thụ tổng cộng 508 TWh điện mỗi năm nếu vận hành liên tục, nhiều hơn tổng sản lượng điện hàng năm của Italia hoặc Australia. Dự kiến đến năm 2034, mức tiêu thụ năng lượng của các trung tâm dữ liệu toàn cầu sẽ vượt quá 1.580 TWh, gần bằng mức tiêu thụ của toàn bộ Ấn Độ.

Những số liệu trên cho thấy sự phát triển của AI đang dẫn đến tiêu thụ điện quá mức và hiệu ứng nhà kính cũng tăng lên mất kiểm soát. Hãng tin Bloomberg đã chỉ ra rằng quá trình phát triển AI đang tạo ra một "vòng luẩn quẩn vô tận" - các trung tâm dữ liệu mới được xây dựng để đáp ứng nhu cầu công nghệ, từ đó lại đòi hỏi xây dựng thêm nhiều trung tâm khác.

Do vậy, năng lượng hạt nhân sẽ có được sự quan tâm lớn từ năm 2025, với sự gia tăng đến nguồn điện sạch, đáng tin cậy để đáp ứng nhu cầu năng lượng gia tăng từ công nghệ AI và các công nghệ cao năng lượng. Nhu cầu năng lượng lớn của AI đang thúc đẩy các công ty công nghệ lớn hướng đến các giải pháp hạt nhân, đẩy mạnh đầu tư vào đổi mới các lò phản ứng và nhất là các lò mô - đun nhỏ.

3.2. Điện toán lượng tử

Giữa 2024, Liên hợp quốc đưa ra nhận định rằng 2025 sẽ là năm quốc tế về khoa học và công nghệ lượng tử. Dù chưa phổ biến, những tiến bộ gần đây, trong đó có sự ra đời của chip Google Willow, hứa hẹn mở ra các ứng dụng thực tế của điện toán lượng tử.

Theo Forbes, với khả năng tính toán nhanh hơn hàng trăm triệu lần so với máy tính truyền thống, máy tính lượng tử đã được ứng dụng để phát hiện thuốc mới, tối ưu hóa trong tài chính, hậu cần thời gian qua. Trong năm nay, công nghệ này dự kiến sẽ cách mạng hóa nhiều lĩnh vực, như theo dõi mô hình khí hậu, khám phá vật liệu, gene, năng lượng sạch và mã hóa trong tương lai gần.

Các chuyên gia cũng đánh giá điện toán lượng tử sẽ tăng cường sức mạnh của AI, giúp xử lý dữ liệu với tốc độ chưa từng có. Thậm chí, có ý kiến rằng 2025 có thể đánh dấu sự xuất hiện của "Ngày Q" - khi máy tính lượng tử trở nên đủ mạnh để khiến các phương pháp mã hóa hiện tại lạc hậu, gây tác động lớn với quyền riêng tư và bảo mật.

Trong mật mã hậu lượng tử (PQC), Alphabet đã công bố bộ xử lý lượng tử 105 qubit của riêng mình có tên là Willow. Công ty cho biết nó có thể giải quyết một vấn đề trong 5 phút mà những máy tính nhanh nhất hiện nay phải mất 10 septillion (10^{25}) năm. Chip Willow là một bước tiến lớn trong hành trình bắt đầu từ hơn 10 năm trước. Nhóm nghiên cứu của Google đã vạch ra lộ trình dài hạn và Willow đưa chúng ta tiến đáng kể trên con đường đó hướng tới các ứng dụng có liên quan đến thương mại. Trong bối cảnh này, những người tham gia thị trường ngày càng nói về kỷ nguyên "hậu lượng tử", khi máy tính lượng tử có thể dễ dàng phá vỡ các phương pháp mã hóa hiện tại.

Mật mã hậu lượng tử đang trở thành một trọng tâm quan trọng trong ngành công nghệ, vì nó giải quyết mối đe dọa từ máy tính lượng tử - có khả năng phá vỡ các phương pháp mã hóa hiện tại. Theo dự báo của Gartner, khi công nghệ điện toán lượng tử phát triển trong những năm gần đây, nhiều phương thức mật mã truyền thống đang được sử dụng rộng rãi sẽ dần bị thay thế. Việc chuyển đổi sang phương pháp mã hóa mới không hề dễ dàng, do đó, các tổ chức cần có thời gian chuẩn bị để bảo đảm an toàn cho dữ liệu nhạy cảm và thông tin bảo mật.

Các tập đoàn công nghệ lớn đang tích cực chuẩn bị cho sự chuyển đổi này. Ví dụ, HP sẽ là hãng sản xuất PC đầu tiên áp dụng PQC để bảo vệ firmware trên thiết bị. Trong khi đó, Google, IBM và Microsoft đang phát triển các thuật toán chống lượng tử. Viện Tiêu chuẩn và Công nghệ Quốc gia Hoa Kỳ đã công bố tiêu chuẩn PQC mới vào tháng 8 năm 2024, giúp định hướng quá trình chuyển đổi của ngành. Theo Gartner dự báo, đến năm 2029, những tiến bộ trong điện toán lượng tử sẽ khiến các phương pháp mật mã bất đối xứng truyền thống trở nên không an toàn.

3.3. An ninh thông tin sai lệch (Bảo mật liên quan đến thông tin sai lệch)

An ninh thông tin sai lệch (disinformation security) là một lĩnh vực đang phát triển nhằm đối phó với các mối đe dọa ngày càng gia tăng từ thông tin giả mạo và các cuộc tấn công độc hại được hỗ trợ bởi AI. Lĩnh vực này có tính liên ngành cao, kết nối nhiều công nghệ và bộ phận khác nhau, bao gồm lãnh đạo doanh nghiệp, đội ngũ an ninh, quan hệ công chúng, tiếp thị, tài chính, nhân sự, tư vấn pháp lý và kinh doanh. Nhờ đó, nó có thể đánh giá tính xác thực, ngăn chặn hành vi mạo danh và bảo đảm tính toàn vẹn của thông tin một cách có hệ thống.

Meta là một trong những công ty tiên phong trong việc đầu tư vào an ninh thông tin sai lệch. Công ty này đã đưa ra chính sách yêu cầu công khai nội dung do AI tạo ra, nhằm tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình. Trong khi đó, Google và Microsoft đang phát triển các thuật toán AI tiên tiến để phát hiện và ngăn chặn thông tin sai lệch một cách hiệu quả hơn.

Không chỉ các tập đoàn công nghệ lớn, thị trường cũng đang chứng kiến sự xuất hiện của các giải pháp thương mại dành cho doanh nghiệp và nhà báo nhằm theo dõi và chống lại thông tin giả mạo. Theo PwC, nhiều dịch vụ mới đã được phát triển để hỗ trợ tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ thông tin.

Gartner dự báo rằng đến năm 2028, 50% doanh nghiệp sẽ bắt đầu triển khai các sản phẩm, dịch vụ hoặc tính năng chuyên biệt để giải quyết vấn đề an ninh thông tin sai lệch - tăng mạnh so với mức dưới 5% hiện nay. Khi AI và học máy (ML) tiếp tục phát triển, an ninh thông tin sai lệch sẽ trở thành một lĩnh vực quan trọng, góp phần bảo vệ tính chính xác và minh bạch của thông tin trong kỷ nguyên số.

3.4. Internet vệ tinh

Internet vệ tinh đang chứng minh tầm quan trọng trong việc cung cấp kết nối ở vùng chiến sự, nơi hiểm trở, vùng sâu vùng xa. Starlink của SpaceX hiện thống trị thị trường với 5.200 vệ tinh đang hoạt động, phủ sóng tại hàng chục quốc gia. Tuy nhiên, công ty của Elon Musk sẽ đối mặt với nhiều đối thủ trong năm nay.

Công ty hai năm tuổi SpaceSail của Trung Quốc đang thu hút sự chú ý sau khi đạt thỏa thuận cung cấp Internet vệ tinh ở Brazil hồi tháng 11/2024. SpaceSail không phải công ty duy nhất. Trung Quốc đang hướng đến quy mô 50.000 vệ tinh thông qua bốn dự án: SpaceSail với 14.000 vệ tinh, China Satellite Network với chòm 12.992 vệ tinh, Lanjian Aerospace với 10.000 vệ tinh và GuoWang với 13.000 vệ tinh.

Ngoài Trung Quốc, Liên minh châu Âu (EU), Ấn Độ, Nga và đảo Đài Loan cũng từng bày tỏ sự quan tâm đến việc tạo chòm sao riêng. "Tương lai Internet vệ tinh có thể là cuộc cạnh tranh khốc liệt giữa Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU và Nga - những nền kinh tế lớn có năng lực về sản xuất, phóng và vận hành vệ tinh", Zhang Rui, thành viên Hiệp hội nghiên cứu thị trường Trung Quốc, nói với *Global Times*.

3.5. Xe tự hành

Từ năm 2025, người Hoa Kỳ có thể gọi xe tự hành Waymo qua ứng dụng Uber tại Atlanta và Austin, Texas. Dịch vụ này do Google hỗ trợ và dự kiến triển khai tại Nhật Bản. Trong khi đó, Zoox của Amazon sẽ đưa xe tự lái vào hoạt động ở Las Vegas, San Francisco, đồng thời thử nghiệm tại Austin và Miami. Tesla cũng không đứng ngoài cuộc khi cập nhật phần mềm "Tự lái hoàn toàn" cho Model 3 và Model Y tại Texas và California, đẩy mạnh cuộc đua xe tự hành.

Năm 2025 sẽ đánh dấu sự bùng nổ của lĩnh vực xe tự lái, với giá trị thị trường vượt 400 tỷ USD vào năm 2035. Thị trường xe tự hành toàn cầu được dự báo sẽ tăng trưởng từ 1.921 tỷ USD năm 2023 lên 13.632 tỷ USD vào năm 2030, với tốc độ 32,3% mỗi năm. Động lực chính cho sự phát triển này là AI, máy học, thị giác máy tính và cảm biến chất lượng cao, giúp xe hoạt động chính xác hơn – khắc phục những hạn chế của công nghệ tự lái trước đây. Tuy nhiên, để phổ biến rộng rãi, xe tự hành vẫn cần vượt qua các rào cản pháp lý và giành được niềm tin của người dùng về tính an toàn.

Không chỉ trong giao thông cá nhân, công nghệ tự lái cấp độ 4 sẽ đóng vai trò quan trọng trong vận tải và logistics. Xe tự hành không còn chỉ xuất hiện trong các dự án thử nghiệm mà đang triển khai rộng rãi tại các thành phố có hạ tầng hiện đại. Một ví dụ điển hình là robot giao hàng Scout của Amazon, cho thấy AI và thị giác máy tính đang giúp phương tiện tự hành hoạt động hiệu quả ngay cả trong môi trường đô thị phức tạp. Theo McKinsey, phần mềm điều khiển xe tự hành có thể mang lại tỷ suất lợi nhuận 15%, biến nó thành một trong những mảng kinh doanh hấp dẫn nhất của ngành công nghiệp ô tô.

3.6. Mạng lưới an ninh mạng

Với sự tinh vi của các cuộc tấn công mạng ngày càng gia tăng, an ninh mạng hiện đang sử dụng phương pháp tiếp cận linh hoạt và mở rộng để bảo vệ cơ sở hạ tầng kỹ thuật số. Kiến trúc bảo mật phân tán giúp hạn chế ảnh hưởng của vi phạm trong một phần hệ thống. Các tập đoàn lớn như JP Morgan Chase đã đầu tư mạnh vào bảo mật để bảo vệ dữ liệu nhạy cảm.

Dự báo xu hướng an ninh mạng năm 2025, phần mềm độc hại điều khiển bằng AI sẽ giúp tội phạm biến đổi mã độc khó phát hiện. Kiến trúc Zero Trust yêu cầu xác thực liên tục và không tin tưởng vào bất kỳ ai đã được cấp quyền truy cập. Máy tính lượng tử sẽ làm gia tăng khó khăn trong bảo mật dữ liệu. Mạng 5G cũng mở ra nhiều lỗ hổng mới.

Ngoài các mối đe dọa bên ngoài, làm việc từ xa tạo ra lỗ hổng bảo mật từ cấu hình sai công cụ đám mây. Các cuộc tấn công chuỗi cung ứng và kỹ thuật lừa đảo xã hội qua deepfake cũng là mối nguy hiểm. Cuối cùng, sự hội tụ bảo mật công nghệ thông tin và bảo mật công nghệ vận hành trong Cách mạng công nghiệp 4.0 yêu cầu giải pháp bảo vệ toàn diện từ ứng dụng doanh nghiệp đến sản xuất. Những xu hướng này sẽ định hình chiến lược bảo mật trong tương lai.

3.7. Blockchain và tiền mã hóa

Nhìn lại năm 2024, thị trường tiền mã hóa đã đạt được những bước đột phá lớn với sự gia tăng mạnh mẽ của các tổ chức đầu tư vào tài sản tiền mã hóa, những sáng kiến công nghệ mới, tiến bộ về pháp lý và sự phát triển mạnh mẽ của Bitcoin. Bước sang năm 2025, các xu hướng về blockchain và tiền mã hóa sẽ tiếp tục làm thay đổi ngành tài chính truyền thống. Tổng thống Hoa Kỳ Donald Trump đã công bố danh sách 5 loại tiền mã hóa được đưa vào kho dự trữ chiến lược của Hoa Kỳ, khiến giá trị thị trường tiền số tăng mạnh.

Một xu hướng nổi bật năm 2025 là sự gia tăng ứng dụng các dịch vụ blockchain hiện có, bao gồm tài sản thế giới thực (RWA) được mã hóa, tài chính phi tập trung (DeFi), và các quỹ ETF tiền mã hóa. Token hóa tài sản thế giới thực như bất động sản và hàng hóa sẽ thay đổi cách thức đầu tư, mang lại khả năng thanh khoản cao hơn và mở rộng cơ hội cho nhiều nhà đầu tư. DeFi, với những dịch vụ tài chính phi tập trung, sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tạo ra những thay thế cho ngân hàng, cho vay và giao dịch mà không cần đến các trung gian truyền thống. Năm 2025 có thể chứng kiến sự bùng nổ của các ETF tiền mã hóa, đặc biệt là các sản phẩm như Bitcoin ETF, tạo ra sự tham gia mạnh mẽ của các tổ chức lớn vào thị trường tiền mã hóa.

Thị trường tiền mã hóa ổn định (stablecoin) dự báo sẽ tiếp tục mở rộng với sự gia tăng áp dụng các đồng tiền ổn định cho các giao dịch doanh nghiệp. Các tổ chức tài chính truyền thống, như Visa và Mastercard, cũng đang tích cực tích hợp công nghệ blockchain vào hoạt động của mình. Các đồng tiền kỹ thuật số của ngân hàng trung

ương cũng sẽ có bước phát triển quan trọng, hứa hẹn thay đổi cách thức giao dịch toàn cầu. Trong năm 2025, blockchain không chỉ giới hạn trong lĩnh vực tiền mã hóa mà còn được ứng dụng rộng rãi trong nhiều ngành khác như tài chính, chăm sóc sức khỏe, chuỗi cung ứng và quản lý dữ liệu. Các nền tảng blockchain sẽ tạo ra một hệ sinh thái tài chính mới, nơi giao dịch diễn ra nhanh chóng, an toàn và hiệu quả mà không cần trung gian. Điều này mở ra cơ hội cho các hệ thống tài chính phân tán, trong đó người dùng có thể kiểm soát tài sản và giao dịch của mình một cách trực tiếp. Những xu hướng này sẽ thay đổi hoàn toàn cách thức giao dịch và quản lý tài chính trong tương lai gần. Cuối cùng, sự kết hợp giữa blockchain và các công nghệ khác như AI và Web3 sẽ tạo ra những giải pháp tài chính mới định hình bức tranh tài chính trong năm 2025.

3.8. Internet vạn vật trong thành phố thông minh

Internet vạn vật (IoT) đang trở thành một yếu tố quan trọng trong sự phát triển của các thành phố thông minh. Theo dự báo, thị trường IoT trong các thành phố thông minh sẽ đạt giá trị lên tới 312,2 tỷ USD vào năm 2026, với tỷ lệ tăng trưởng hàng năm (CAGR) ấn tượng lên đến 19,0%. Công nghệ này tích hợp các cảm biến và thiết bị thông minh để thu thập và xử lý dữ liệu, từ đó giúp các nhà quản lý đô thị đưa ra các quyết định chính xác hơn và tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên.

Một trong những ứng dụng nổi bật của IoT trong các thành phố thông minh là quản lý giao thông và vận tải công cộng. Các cảm biến và hệ thống theo dõi thông minh có thể giúp điều chỉnh lưu lượng giao thông, giảm tắc nghẽn và tăng cường hiệu quả của các phương tiện giao thông công cộng. Thêm vào đó, IoT cũng giúp cải thiện hiệu quả năng lượng thông qua việc triển khai các lưới điện thông minh, giúp giảm thiểu thất thoát năng lượng và tối ưu hóa việc cung cấp điện cho các khu vực đô thị.

Hệ thống an ninh công cộng và phản ứng khẩn cấp cũng là một lĩnh vực quan trọng mà IoT đang tác động tích cực. Các cảm biến an ninh được kết nối giúp theo dõi tình hình giao thông, giám sát các khu vực công cộng và hỗ trợ lực lượng chức năng trong việc ứng phó với các sự kiện khẩn cấp. Khi các khu đô thị ngày càng mở rộng, IoT sẽ giúp giải quyết các vấn đề phức tạp như ô nhiễm, tắc nghẽn giao thông và an ninh, góp phần nâng cao chất lượng sống cho người dân và xây dựng một môi trường sống bền vững hơn.

3.9. Cobot - Robot kết hợp con người

Cùng với Agentic AI, robot cộng tác cùng con người được dự đoán sẽ bùng nổ trong năm 2025. Báo cáo về xu hướng cobot của ABB cho thấy, thị trường cobot dự đoán tăng trưởng hơn 20% trong giai đoạn 2024 - 2028 và tăng gấp đôi vào 2030. Một khảo sát khác cho thấy 84% doanh nghiệp được hỏi bày tỏ ý định áp dụng hoặc mở rộng tự động hóa bằng robot trong thập kỷ tới.

Cobot được thiết kế để làm việc cùng con người. Các tính năng như phát hiện va

chạm, an toàn dự phòng và các tiêu chuẩn bảo đảm cobot hoạt động an toàn trong nhiều môi trường khác nhau. Những tiến bộ công nghệ như thuật toán dự đoán và giám sát thời gian thực có thể giúp cobot đáng tin cậy hơn khi làm việc cùng con người.

3.10. Công nghệ xanh

Sự phát triển mạnh mẽ của AI, điện toán lượng tử và robot đang song hành với các sáng kiến công nghệ bền vững, thân thiện với môi trường. Các nhà lãnh đạo công nghệ tập trung vào mục tiêu giảm khí thải carbon, hướng đến một tương lai xanh.

Những tập đoàn lớn như Meta, Amazon, Google và Microsoft đã cam kết sử dụng năng lượng sạch để vận hành trung tâm dữ liệu, đồng thời ứng dụng AI nhằm giảm tác động tiêu cực đến môi trường. Theo dự báo của Fortune, thị trường công nghệ xanh toàn cầu dự kiến tăng từ 20,90 tỷ USD năm 2024 lên 105,26 tỷ USD vào năm 2032.

Công nghệ bền vững trở thành xu hướng trọng tâm khi các tổ chức ưu tiên giải pháp thân thiện với môi trường để đối phó với biến đổi khí hậu. Xu hướng này bao gồm việc tối ưu hóa tiêu thụ năng lượng, giảm khí thải carbon và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn. Công nghệ bền vững đang tái định nghĩa cách doanh nghiệp vận hành, với trọng tâm là cân bằng sinh thái lâu dài. Các giải pháp nổi bật gồm: trung tâm dữ liệu sử dụng năng lượng sạch; thiết bị tiết kiệm năng lượng; AI tối ưu hóa quản lý tài nguyên. Xu hướng này không chỉ góp phần bảo vệ môi trường mà còn tạo ra giá trị bền vững cho doanh nghiệp trong dài hạn.

KẾT LUẬN

Năm 2024, thế giới đối mặt với nhiều biến động địa chính trị và kinh tế. Cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ, xung đột Nga-Ukraine kéo dài, căng thẳng Israel-Hamas lan rộng sang Liban. Châu Âu chứng kiến sự trỗi dậy của các đảng cực hữu. Xu hướng đa cực hóa ngày càng rõ rệt với việc Ấn Độ tham gia cả Quad, BRICS, SCO, còn Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng qua Sáng kiến Vành đai và Con đường. Hoa Kỳ đối mặt với sự không chắc chắn trong liên minh NATO, trong khi châu Âu tìm kiếm sự tự chủ lớn hơn về quốc phòng và năng lượng. Nga, Trung Quốc, Iran, Triều Tiên hình thành liên minh thách thức trật tự do phương Tây dẫn dắt.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 đạt 3,2%, giảm nhẹ so với 2023. Nền kinh tế toàn cầu được dự báo tăng trưởng từ 2,7% đến 3,3% trong 2025-2026, với lạm phát giảm, nhưng vẫn đối mặt với rủi ro từ chính trị, xung đột thương mại và biến đổi khí hậu. Hoa Kỳ, Nhật, Trung Quốc và khu vực đồng euro đều dự báo tăng trưởng thấp. Các quốc gia mới nổi như Ấn Độ tiếp tục duy trì tăng trưởng mạnh. Dự báo của UN, WB và ADB về kinh tế Việt Nam năm 2025 cho thấy tăng trưởng đạt từ 6,5% đến 6,6%, đứng đầu khu vực ASEAN và thứ 3 ở châu Á.

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2025 đối mặt với nhiều rủi ro lớn, bao gồm bất

ổn chính sách và sự gia tăng các rào cản thương mại, đặc biệt là chính sách thương mại và thuế quan của Hoa Kỳ dưới thời Tổng thống Donald Trump; xung đột địa chính trị leo thang; lạm phát cao kéo dài; tác động ngày càng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu với các thiên tai gia tăng ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và an ninh lương thực; tăng trưởng chậm lại ở các nền kinh tế lớn.

Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và giảm thiểu rủi ro, các quốc gia cần tiếp tục cải cách cơ cấu để đối phó với già hóa dân số, năng suất lao động thấp và nợ công cao. Cải cách thị trường lao động, đầu tư hạ tầng và chuyển đổi sang nền kinh tế xanh là rất quan trọng. Các quốc gia cần tăng cường hơn nữa hợp tác toàn cầu để ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ đa dạng sinh học và giảm phát thải khí nhà kính. Đồng thời, cần có chính sách hỗ trợ lao động bị ảnh hưởng bởi công nghệ, bảo đảm an ninh lương thực và giảm thiểu rủi ro nợ công để thúc đẩy phát triển bền vững.

Tiến bộ công nghệ và phát triển kinh tế là hai yếu tố tương tác và hỗ trợ lẫn nhau. Các xu hướng công nghệ năm 2025, trong đó Agentic AI là xu hướng chủ đạo. Robot cộng tác với con người sẽ phát triển mạnh mẽ, đặc biệt trong môi trường công nghiệp, với khả năng làm việc an toàn cùng con người. Xe tự hành cũng sẽ tiếp tục mở rộng, với ứng dụng trong giao thông và logistics, giúp giảm chi phí và nâng cao hiệu quả. Bên cạnh đó, công nghệ xanh đang được thúc đẩy mạnh mẽ để giảm khí thải carbon, với nhiều tập đoàn lớn cam kết sử dụng năng lượng sạch. Điện toán lượng tử hứa hẹn sẽ cách mạng hóa nhiều ngành, đặc biệt trong lĩnh vực AI và bảo mật thông tin. Cuối cùng, Internet vệ tinh sẽ cung cấp kết nối toàn cầu, đặc biệt là ở các khu vực khó tiếp cận. Những xu hướng này không chỉ nâng cao hiệu quả công việc mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Asian Development Outlook, ADB, 12/2024.
2. Gartner Top 10 Strategic Technology Trends for 2025. <https://www.gartner.com>, 12/2025.
3. Global Economic Prospects, World Bank, 1/2025.
4. OECD Economic Outlook, 12/2024.
5. Tech Trends 2025, Deloitte.
6. Top 10: Technology trends for 2024, <https://technologymagazine.com/>, 20/12/2023.
7. Top 10: Trends of 2025, <https://technologymagazine.com>.
8. Top 10 Technology Trends For 2025, <https://www.forbes.com>, 3/2/2025.
9. World Economic Outlook, 1/2025, IMF.
10. World Economic Situation and Prospects, UN, 1/2025.
11. 2025 Tech Trends report, Globant